



Kiên Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2021

## **CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

### **A. THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM:**

- Thời gian: Từ 13h00 đến 17h00, ngày 19/6/2021
- Địa điểm: Hội trường lầu 4, Công ty CP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang, 34 Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

### **B. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI:**

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH
<b>Phần Nghi thức</b>		
1	13h00 - 13h30	Tiếp đón đại biểu, làm thủ tục xác nhận cổ đông và gửi tài liệu Đại hội.
2	13h30 - 13h45	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
3	13h45 - 13h50	Báo cáo thẩm tra tư cách cổ đông.
4	13h50 - 14h00	Thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Thư ký đại hội, Ban kiểm phiếu.
<b>Phần Nội dung</b>		
5	14h00 - 14h15	Thông qua Chương trình Đại hội, Quy chế làm việc và Quy chế biểu quyết tại Đại hội.
6	14h15 - 14h30	Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, phương hướng và các chỉ tiêu năm 2021.
7	14h30 - 14h45	Báo cáo của Hội đồng quản trị tổng kết 05 năm nhiệm kỳ 2016 - 2021 và phương hướng nhiệm kỳ 2021 - 2026.
8	14h45 - 15h00	Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020.
9	15h00 - 15h15	Thông qua các tờ trình xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên 2021.
<b>Phần bầu cử Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2021 - 2026</b>		
10	15h15 - 15h45	Thông qua danh sách và lý lịch nhân sự tham gia HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2021 - 2026.
11	15h45 - 16h00	Gợi ý các cổ đông thảo luận và đóng góp ý kiến.
12	16h00 - 16h10	Đoàn Chủ tịch ghi nhận và trả lời các ý kiến đóng góp.
<b>Phần bỏ phiếu thông qua các nội dung xin ý kiến</b>		
13	16h10 - 16h20	Hướng dẫn biểu quyết các nội dung
14	16h20 - 16h35	Thu phiếu - Kiểm phiếu
15	16h35 - 16h45	Thông qua biên bản kiểm phiếu các nội dung xin ý kiến tại Đại hội
<b>Phần Bế mạc</b>		
16	16h45 - 16h55	Thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội.
17	16h55 - 17h00	Phát biểu Bế mạc Đại hội của Chủ tịch HĐQT
18	17h00	Kết thúc Đại hội

**BAN TỔ CHỨC ĐẠI HỘI**

Kiên Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2021

**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ QUY CHẾ BIỂU QUYẾT  
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**  
(Thời gian: từ 13h00 đến 17h00 ngày 19/6/2021)

Căn cứ quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty, Đoàn Chủ tịch xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua Quy chế làm việc và Quy chế biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên 2021 bao gồm 10 điều với các nội dung sau:

**Điều 1: Đoàn chủ tịch**

Đoàn Chủ tịch đại hội do Hội đồng quản trị giới thiệu và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay. Thành phần gồm một số Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 2: Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch**

- Chủ trì Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.
- Hướng dẫn các đại biểu và cổ đông thảo luận.
- Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội đồng cổ đông biểu quyết.
- Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu.
- Điều hành Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty đảm bảo trật tự và phản ánh được mong muốn của đa số cổ đông, đại diện cổ đông tham dự.

**Điều 3: Thư ký đại hội**

Thư ký đại hội do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay. Thư ký đại hội chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch và Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình, cụ thể:

1. Ghi chép đầy đủ trung thực các nội dung Đại hội.
2. Giúp Đoàn chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông và đại diện cổ đông dự họp. Báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Khi cuộc họp có đủ số lượng cổ đông dự họp đại diện ít nhất **51% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết** tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành. (**Quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty**).
3. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu.
4. Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu ý kiến của các cổ đông.

**Điều 4: Ban Kiểm phiếu**

Ban Kiểm phiếu do Chủ tịch đoàn đề cử và được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay. Thành viên Ban Kiểm phiếu có thể là cổ đông Công ty. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ:

- Hướng dẫn cổ đông tham dự đại hội bỏ phiếu;

- Kiểm tra, giám sát việc bỏ phiếu của các cổ đông, đại diện cổ đông;
- Tổ chức kiểm phiếu;
- Lập Biên bản kiểm phiếu và công bố trước Đại hội đồng cổ đông;
- Giao lại Biên bản và toàn bộ phiếu ghi nhận biểu quyết cho Chủ tọa Đại hội.

#### **Điều 5: Cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông**

Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang đều có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Mỗi cổ đông, người được ủy quyền khi tới tham dự Đại hội đồng cổ đông phải mang theo giấy tờ tùy thân (CMND hoặc Hộ chiếu), Thư mời tham dự họp Đại hội đồng cổ đông nộp cho Ban Kiểm tra tư cách cổ đông và nhận **Phiếu biểu quyết** có ghi đầy đủ các thông tin của cổ đông và số cổ phần có quyền biểu quyết.

Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Đoàn chủ tịch, ứng xử văn minh, lịch sự, không gây mất trật tự.

Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

#### **Điều 6: Phát biểu ý kiến trong Đại hội**

Cổ đông đăng ký nội dung phát biểu với Đoàn chủ tịch (qua Ban Tổ chức), khi phát biểu hoặc cần tranh luận thì giơ tay. Mỗi cổ đông phát biểu không quá 03 phút, nội dung cần ngắn gọn tránh trùng lặp. Ngoài ra các cổ đông có thể gửi ý kiến bằng văn bản hoặc bất cứ hình thức phù hợp nào khác về Ban Thư ký để tổng hợp trình Đoàn chủ tịch xem xét trả lời trực tiếp hoặc trả lời bằng văn bản trong thời gian sớm nhất.

#### **Điều 7: Thể lệ biểu quyết**

**7.1** Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền biểu quyết các vấn đề tại Đại hội bằng phiếu biểu quyết.

**7.2** Các cổ đông, đại diện cho nhóm cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông đều có quyền biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, quyền biểu quyết tương ứng với số cổ phần sở hữu và số cổ phần được ủy quyền.

**7.3** Các vấn đề được biểu quyết trong Đại hội được thông qua khi:

- Quyết định loại cổ phiếu, tổng số cổ phiếu của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ và một số nội dung khác theo **Điều 21 Điều lệ Công ty quy định: Đạt tỷ lệ ít nhất 65% tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.**

- Thông qua các vấn đề khác: Đạt tỷ lệ **ít nhất 51%** tổng số cổ phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận.

**7.4** Việc biểu quyết bầu các ứng viên thành viên HĐQT, BKS của Công ty nhiệm kỳ 2021 – 2026 thực hiện theo Quy chế Ứng cử, Bầu cử HĐQT và Ban Kiểm soát.

#### **Điều 8: Biên bản, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông**

- Biên bản Đại hội đồng cổ đông: Tất cả các nội dung tại Đại hội đồng cổ đông phải được Thư ký Đại hội ghi vào Biên bản Đại hội đồng cổ đông và phải có chữ ký của Ban Thư ký và Chủ tọa Đại hội thì mới có giá trị pháp lý. Ban Thư ký và Chủ tọa Đại hội chịu trách nhiệm cá nhân về toàn bộ nội dung và tính trung thực của Biên bản Đại hội.

- Nghị quyết Đại hội phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội. Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được đưa lên website của Công ty tại địa chỉ <http://www.cicgroups.com/> trong vòng 24h kể từ khi kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

**Điều 9:** Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh quy chế làm việc, quy chế biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông. Cổ đông vi phạm quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo quy định.

**Điều 10: Trường hợp tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông không thành**

Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành theo quy định tại **Điều 19 Điều lệ Công ty**.

Trên đây là Quy chế làm việc, quy chế biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang năm 2021.

Quy chế bao gồm 10 điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua để việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông được thực hiện thành công tốt đẹp và tuân theo các qui định pháp luật của Nhà nước, Điều lệ của Công ty.

*(Đề nghị Quý cổ đông biểu quyết bằng cách giơ tay)*

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA**

**TRẦN THỌ THẮNG**

*Kiên Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2021*

**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC  
VỀ KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020  
PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CHỈ TIÊU NĂM 2021**

**PHẦN 1 – KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020**

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:**

Năm 2020 nền kinh tế Việt Nam cũng như toàn cầu đều chịu ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch COVID-19. Đối với Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (CIC Group), năm 2020 là năm CIC Group phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức khi công tác chuẩn bị đầu tư, công tác giải phóng mặt bằng kéo dài nhiều năm vẫn chưa được giải quyết dứt điểm dẫn đến một số dự án mới đã không thể khởi động hoặc không đạt tiến độ triển khai theo kế hoạch, một số công ty thành viên liên kết đã phải điều chỉnh kế hoạch sản xuất kinh doanh do dịch bệnh kéo dài và diễn biến phức tạp.

Tuy nhiên với sự chỉ đạo hiệu quả trong công tác phòng, chống dịch và điều hành của nền kinh tế vĩ mô cùng với nội lực của một CIC Group với gần 30 năm hình thành và phát triển, với đội ngũ quản lý và người lao động có kinh nghiệm, có tâm huyết và đoàn kết; sự hỗ trợ của các cơ quan ban ngành và ngân hàng, khách hàng truyền thống, CIC Group đã vượt khó khăn và hoàn thành vượt mức kế hoạch năm 2020 trong điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

**1. Thuận lợi:**

- Kinh tế vĩ mô được duy trì ổn định với “mục tiêu kép” của Chính phủ là vừa phòng, chống dịch bệnh, bảo vệ sức khỏe nhân dân, vừa phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội trong trạng thái bình thường mới đã giúp thị trường bất động sản có cơ hội để phục hồi và phát triển.

- Các chính sách giãn (giảm) nộp thuế, giảm lãi vay, cơ cấu lại các khoản nợ... phần nào hỗ trợ cho Tập đoàn và các doanh nghiệp trong hệ thống khắc phục khó khăn do dịch bệnh.

- Lãnh đạo tỉnh Kiên Giang, các sở ban ngành, các huyện, Thành phố trong tỉnh luôn quan tâm, tạo điều kiện, kịp thời giúp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện các dự án cũng như các hoạt động khác của đơn vị trên địa bàn.

- Định hướng và chỉ đạo đúng đắn, quyết liệt của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc; sự đồng lòng, chung sức của toàn thể người lao động CIC Group đã đưa Doanh nghiệp vượt qua khó khăn.

**2. Khó khăn:**

- Năm 2020, hai đợt dịch COVID-19 bùng phát tại nước ta đã làm nền kinh tế chịu nhiều tác động nghiêm trọng, thị trường bất động sản trong nước cũng không là ngoại lệ. Nền kinh tế tăng trưởng chậm lại làm cho sức mua suy giảm, phát sinh công nợ lớn.

- Sự vướng mắc trong thủ tục pháp lý và giải phóng mặt bằng tại các dự án làm cho việc ra mắt sản phẩm mới của Tập đoàn trong năm bị gián đoạn. Gây ảnh hưởng đến việc hợp tác liên doanh thực hiện một số dự án, tình hình kinh doanh, khối lượng gói đầu các năm tới cũng như việc làm của một số công ty thành viên.

- Vốn vay ngân hàng còn gặp nhiều khó khăn nhất là đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản. Thời gian xem xét và xử lý hồ sơ vay tại một số dự án còn kéo dài, thủ tục vướng mắc làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.

- Các lĩnh vực mới như giáo dục và thương mại còn thiếu hụt về đội ngũ quản lý có kinh nghiệm nên chưa đạt hiệu quả như mong đợi.

Với những thuận lợi và khó khăn trên, năm qua Ban lãnh đạo CIC Group, các công ty thành viên liên kết và toàn thể người lao động đã cùng nhau đoàn kết, thống nhất trong nội bộ, linh hoạt điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt và vượt các chỉ tiêu kinh tế được giao, đảm bảo quyền lợi cổ đông và đời sống, thu nhập, việc làm cho người lao động và làm tốt nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước.

## II. NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC TRONG NĂM 2020:

### 1. Kết quả của CTCP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang:

#### a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020:

(Số liệu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên của RSM Quốc tế).

*Đvt: Triệu đồng*

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2020			Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ TH20/KH20	
1	2	3	4	5	6=5/4	7
<b>1</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Trđ</b>	<b>1.052.636</b>	<b>1.122.314</b>	<b>106,6%</b>	
	- Tư vấn	Trđ	10.000	10.000	100,0%	
	- Thi công	Trđ	20.000	6.437	32,2%	
	- Địa ốc và Dịch vụ sàn	Trđ	975.436	1.060.606	108,7%	
	- Đầu tư tài chính	Trđ	8.700	5.055	58,1%	
	- Kinh doanh Nhà hàng	Trđ	31.000	31.028	100,1%	
	- Thu nhập khác	Trđ	7.500	9.188	122,5%	
<b>2</b>	<b>LN trước thuế</b>	<b>Trđ</b>	<b>130.748</b>	<b>144.979</b>	<b>110,9%</b>	
<b>3</b>	<b>LN sau thuế</b>	<b>Trđ</b>	<b>101.996</b>	<b>115.046</b>	<b>112,8%</b>	
<b>4</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	<b>Trđ</b>	<b>55.000</b>	<b>58.000</b>	<b>105,4%</b>	
<b>5</b>	<b>Đóng góp xã hội</b>	<b>Trđ</b>	<b>7.000</b>	<b>7.000</b>	<b>100,0%</b>	
<b>6</b>	<b>Tổng quỹ lương</b>	<b>Trđ</b>	<b>41.921</b>	<b>44.699</b>	<b>106,6%</b>	
<b>7</b>	<b>Lao động</b>	<b>Người</b>	<b>204</b>	<b>204</b>	<b>100,0%</b>	
<b>8</b>	<b>Tiền lương BQ</b>	<b>Trđ/ng/thg</b>	<b>17,125</b>	<b>18,259</b>	<b>106,6%</b>	

(\*): Doanh thu tư vấn, địa ốc và dịch vụ sàn đã bao gồm doanh thu nội bộ.

#### Đánh giá kết quả thực hiện:

- Lũy kế doanh thu các lĩnh vực CIC Group năm 2020 là 1.122.314 triệu đồng, đạt 106,6% kế hoạch (KH) năm và đạt 111,96% so với thực hiện năm 2019.

- Lợi nhuận trước thuế là 144.979 triệu đồng đạt 110,9% KH; Lợi nhuận sau thuế 115.046 triệu đồng đạt 112,8% KH và đạt 113,16% so với 2019.

- Năm 2020 là năm CIC Group tiếp tục thực hiện chủ trương cơ cấu lại ngành nghề theo hướng chuyên nghiệp hóa, chuyên môn hóa. Lĩnh vực bất động sản đang là lĩnh vực chủ lực tại công ty mẹ với tỷ trọng doanh thu lĩnh vực này dần chiếm đến 94,5% đã đạt mức doanh thu 1.060.606 triệu đồng và vượt 8,7% so kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó năm qua, với việc quản lý hiệu quả, tiết giảm nhiều chi phí trong đó có chi phí giá thành ở các dự án, nhất là dự án Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc đã góp phần đưa lợi nhuận sau thuế vượt 12,8% KH trong khi doanh thu vượt 6,6% KH.

- Các chỉ tiêu khác như: Nộp ngân sách, đóng góp xã hội, tiền lương bình quân của người lao động đều tăng so với kế hoạch đề ra.

**b. Phân phối lợi nhuận năm 2020:**

Dự kiến mức trích các quỹ và chia cổ tức năm 2020 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Dự kiến năm 2020	
		Tỷ lệ đề nghị trích theo NQ ĐHCĐ	Thành tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế (Kế hoạch)		101.996.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế (Thực hiện)		115.046.000.000
	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10%	11.504.600.000
	Quỹ đầu tư phát triển	5%	5.752.300.000
	Trả thù lao HĐQT, BKS	3%	3.451.400.000
	Quỹ khen thưởng khách hàng	5%	5.752.300.000
	Thưởng HĐQT, Ban điều hành, BKS do vượt kế hoạch lợi nhuận	20%/ LNST vượt KH (*)	2.610.000.000
	Thưởng người lao động (1/2 tháng lương)		1.500.000.000
	Chia cổ tức (Vốn điều lệ 824,998 tỷ đồng)	9%/ VDL 825 tỷ tương đương 14,14%/ VDL 525 tỷ (**)	74.249.800.000
3	Lợi nhuận chưa phân phối nhập quỹ cổ đông		10.225.600.000

(\*): Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020 là  $\leq 30\%/LN$  sau thuế vượt KH

(\*\*): Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020 là 13% - 15%/năm/Vốn điều lệ 524,998 tỷ đồng

**2. Kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên, công ty liên kết:**

Trong năm CIC Group thành lập thêm ba (3) công ty thành viên là Công ty TNHH CIC Education, Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ CIC Kiên Giang, Công ty TNHH CIC Đất Mới, để đáp ứng cho sự phát triển đa dạng nhiều ngành nghề trong SXKD của toàn hệ thống CIC Group của các năm tiếp theo. Với tổng số vốn CIC Group đầu tư vào 11 công ty thành viên và 01 công ty liên kết tính đến ngày 31/12/2020 là: 313.570 triệu đồng. Tuy nhiên trong năm qua do ảnh hưởng dịch bệnh một số công ty gặp rất nhiều khó khăn về SXKD nhưng vẫn duy trì sản xuất để ổn định thu nhập cho người lao động. Kết quả sản xuất kinh doanh của các công ty thành viên, công ty liên kết trong năm 2020 doanh thu bình quân đạt 97,6% so với kế hoạch điều chỉnh (Đính kèm Phụ lục số 01).

### **3. Kết quả một số hoạt động khác:**

Năm qua, bên cạnh việc đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị có hiệu quả, CIC Group còn thực hiện một số hoạt động khác nổi bật như sau:

- Tổ chức thành công Hội nghị nhà chung cư lần đầu, nhà ở xã hội 444 Ngô Quyền, thành lập Ban Quản trị chung cư. Đồng thời, thực hiện các thủ tục công nhận kết quả sau Hội nghị và thực hiện bàn giao quản lý chung cư của Chủ đầu tư cho Ban Quản trị và đơn vị vận hành sau Hội nghị.

- Tổ chức thành công lễ khởi công xây dựng Dự án xây dựng Trường Mầm non - Tiểu học Quốc tế Mekong Xanh vào tháng 02/2020, đã hoàn thành khai giảng tuyển sinh khối mầm non vào tháng 9/2020.

- Khởi công xây dựng HTKT và nhà ở Dự án Khu biệt thự cao cấp Xã Cửa Dương thành phố Phú Quốc (Khu biệt thự cao cấp Búng Gội 1).

- Niêm yết thành công cổ phiếu CKG trên Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM vào ngày 25/3/2020; Hoàn thành phương án và các thủ tục phát hành cổ phiếu tăng thêm vốn điều lệ 300 tỷ đồng theo Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2020.

- Tham gia thiết kế biểu tượng, đèn hoa trang trí các tuyến đường thành phố, vòng xoay khu vực tại các dự án do CIC Group làm chủ đầu tư trong dịp tết nguyên đán 2021 góp phần làm tăng vẻ mỹ quan, tăng khả năng nhận diện, quảng bá thương hiệu.

- Thực hiện xây dựng và kiện toàn bộ máy nhân sự tổ chức trong năm CIC Group đã bổ nhiệm mới 01 Tổng Giám đốc CIC Group; 01 Phó Tổng Giám đốc theo dõi, quản lý, đôn đốc công tác đầu tư các dự án và đấu thầu; 01 trưởng phòng đầu tư; 01 Giám đốc Sàn giao dịch kinh doanh bất động sản; thành lập Phòng Đầu tư; Ban Quan hệ Cổ Đông để đáp ứng nhu cầu tổ chức hoạt động của đơn vị.

- Về tình hình các dự án triển khai trong năm 2020:

Trong năm 2020, CIC Group thực hiện 05 dự án chuyển tiếp gồm: Dự án Khu đô thị mới lấn biển Tây Bắc, Khu dân cư (KDC) phường An Bình, KDC Nam An Hòa (giai đoạn 1), Khu biệt thự cao cấp xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc (Khu biệt thự cao cấp Búng Gội 1) và Hoa viên Vĩnh Hằng với tổng vốn thực hiện khoảng 3.893.165 triệu đồng, đạt tỷ lệ khoảng 65% tổng vốn đầu tư dự án. Doanh thu lũy kế đến năm 2020 các dự án này khoảng 2.926.449 triệu đồng.

Các dự án triển khai mới đang thực hiện chuẩn bị đầu tư gồm: Dự án Tuyến dân cư đường số 2, KDC Bắc Vĩnh Quang (giai đoạn 1), dự án Khu biệt thự cao cấp Village Búng Gội Phú Quốc (3,2ha), Khu phức hợp thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp Resident Hill Phú Quốc (4,3ha) với tổng số vốn đầu tư dự kiến 6.399.796 triệu đồng. Các dự án đã cơ bản đã được UBND tỉnh Kiên Giang chấp thuận chủ trương đầu tư và được phê duyệt quy hoạch tỷ lệ 1/500. Dự kiến các dự án này sẽ hoàn thành các thủ tục chuẩn bị đầu tư còn lại đủ điều kiện để khởi công trong năm 2021.

- Kết quả hoạt động của tổ chức Đảng, đoàn thể: Trong năm 2020, Đảng bộ CIC Group hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Tổ chức Công đoàn cơ sở đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, Đoàn thanh niên đạt vững mạnh xuất sắc toàn diện. Công ty CP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang đạt Cờ thi đua Chính phủ năm 2020 và liên tiếp 5 năm liền đạt được danh hiệu này.



#### **4. Những bài học kinh nghiệm:**

Kịp thời nhận diện các hạn chế của doanh nghiệp để từ đó xây dựng chiến lược, biện pháp khắc phục trong những năm tiếp theo là rất cần thiết. Đối với các hạn chế của năm 2020, Chúng ta rút ra những bài học kinh nghiệm như sau:

- Cần kịp thời bổ sung cán bộ quản lý có năng lực, có tâm và có tầm nhất là đối với các lĩnh vực mới; bổ sung lực lượng lao động có chuyên môn cao và giỏi, đặc biệt cho bộ phận trực tiếp sản xuất để tăng cường về chất lượng cho nguồn lao động của doanh nghiệp.

- Thường xuyên lắng nghe ý kiến khách hàng trong xây dựng, điều chỉnh các chính sách, chiến lược kinh doanh của CIC Group. Ý kiến khách hàng là thước đo hiệu quả nhất đối với các sản phẩm, dịch vụ và thương hiệu của CIC Group.

- Cần quan tâm hơn trong việc lập phương án kinh doanh, phương án tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư từng dự án nhằm giúp Ban điều hành có những quyết định đúng đắn trong việc đầu tư dự án.

- Tiếp tục công tác kiểm tra giám sát, hỗ trợ các công ty thành viên liên kết nhằm đảm bảo hiệu quả công tác đầu tư tài chính của Công ty và phát huy đạt hiệu quả về phát triển mô hình đa ngành nghề của hệ thống Tập đoàn.

- Lãnh đạo CIC Group kiên quyết khắc phục hạn chế của doanh nghiệp, từng bước xây dựng sản phẩm CIC Group hoàn thiện theo hệ thống chuyên nghiệp đáp ứng nhu cầu thị trường và phát triển mạnh thương hiệu CIC Group về uy tín – chất lượng – thẩm mỹ.

Năm 2020 kết thúc, ghi nhận thêm một năm thử thách đối với thương hiệu Tập đoàn 30 năm. Mặc dù chúng ta bằng chính kinh nghiệm và thực lực của mình, dùng sức mạnh đoàn kết của tập thể và sự quyết đoán của người đứng đầu để tiếp tục vượt qua khó khăn. Tuy nhiên khó khăn vẫn còn ở phía trước, một lần nữa lãnh đạo Tập đoàn kiên định mục tiêu giữ gìn và phát huy thương hiệu doanh nghiệp tinh nhà 30 năm qua, phấn đấu để đủ sức cạnh tranh với các doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh và các địa bàn khác trên cả nước bằng chính đôi tay và khối óc của những con người hôm nay.

## PHẦN 2 – PHƯƠNG HƯỚNG VÀ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Theo đánh giá của các chuyên gia trên lĩnh vực bất động sản, những điểm sáng trong tăng trưởng kinh tế và hiệu quả phòng chống dịch COVID-19 sẽ là những “cú hích” quan trọng tác động tích cực đến đà phục hồi và phát triển của thị trường bất động sản trong thời gian tới. Dự báo trong năm 2021, khi các chỉ tiêu vĩ mô được đảm bảo, dịch bệnh được kiểm soát, thị trường bất động sản sẽ phát triển tốt hơn năm 2020, thậm chí có khả năng nở rộ ở một vài phân khúc và khu vực nhất định. Kịp thời nắm bắt được xu hướng mới, điều chỉnh chiến lược phát triển phù hợp sẽ là định hướng để Ban điều hành xây dựng và đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 phù hợp với khả năng phục hồi của nền kinh tế cũng như khả năng của doanh nghiệp trình Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, cụ thể như sau:

### I. CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH 2021:

#### 1- Các chỉ tiêu của CTCP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang:

*Đvt: Triệu đồng*

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	Tỷ lệ KH2021/ TH2020	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7
<b>1</b>	<b>Doanh thu</b>	<b>Trđ</b>	<b>1.122.314</b>	<b>1.396.700</b>	<b>124,4%</b>	
	- Tư vấn	Trđ	10.000	10.000	100,0%	
	- Thi công	Trđ	6.437	20.000	310,7%	
	- Địa ốc và Dịch vụ sàn	Trđ	1.060.606	1.262.600	119,0%	
	- Doanh thu ĐTTC	Trđ	5.055	65.000	1285,9%	
	- Kinh doanh Nhà hàng	Trđ	31.028	34.100	109,9%	
	- Thu nhập khác	Trđ	9.188	5.000	54,4%	
<b>2</b>	<b>LN trước thuế</b>	<b>Trđ</b>	<b>144.979</b>	<b>176.800</b>	<b>121,9%</b>	
<b>3</b>	<b>LN sau thuế</b>	<b>Trđ</b>	<b>115.046</b>	<b>140.900</b>	<b>122,5%</b>	
<b>4</b>	<b>Nộp ngân sách</b>	<b>Trđ</b>	<b>58.000</b>	<b>60.000</b>	<b>103,4%</b>	
<b>5</b>	<b>Đóng góp xã hội</b>	<b>Trđ</b>	<b>7.000</b>	<b>7.000</b>	<b>100,0%</b>	
<b>6</b>	<b>Tổng quỹ lương</b>	<b>Trđ</b>	<b>44.699</b>	<b>48.652</b>	<b>108,8%</b>	
<b>7</b>	<b>Lao động</b>	<b>Người</b>	<b>204</b>	<b>214</b>	<b>104,9%</b>	
<b>8</b>	<b>Tiền lương BQ</b>	<b>Trđ/ng/thg</b>	<b>18,259</b>	<b>18,945</b>	<b>103,8%</b>	

#### \* Kế hoạch trọng tâm năm 2021

- Hoàn tất thủ tục phát hành 30.000.000 cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 824,998 tỷ đồng theo tiến độ được HĐQT thông qua.

- Tập trung hoàn thiện công tác xây dựng hạ tầng và nhà ở đối các dự án đang thực hiện. Đồng thời phối hợp các cơ quan chức năng quyết liệt giải phóng mặt bằng các dự án.

- Triển khai xây dựng và khởi công các dự án trong năm: Dự án Nhà ở xã hội thuộc dự án Khu Đô thị Tây Bắc (7,03ha); Khu dân cư Chợ Nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá (14,1ha); Dự án tuyến dân cư đường số 2, phường Vĩnh Quang (10,9ha); Dự án

khu dân cư Bắc Vĩnh Quang, phường Vĩnh Quang giai đoạn 1 (9,5ha); Dự án Khu biệt thự cao cấp Phú Quốc Riverside Villas (5,7 ha); Dự án Khu phức hợp thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp Resident Hill Phú Quốc (4,3ha); Dự án Biệt thự cao cấp Village Búng Gội Phú Quốc (3,2ha).

- Hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án như: Dự án khu dân cư Bắc Vĩnh Quang, phường Vĩnh Quang giai đoạn 2 (8,2ha), giai đoạn 3 (7,4ha); Khu biệt thự du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bãi Vòng, Phú Quốc (34,3ha); Khu du lịch nghỉ dưỡng Bãi Cây Mến (Nam Du - Kiên Hải) (10,9ha); Dự án trung tâm thương mại CIC Mall thành phố Rạch Giá, Kiên Giang (1,9ha); Dự án Khu dân cư Nam An Hòa giai đoạn 2, phường An Hòa, Thành phố Rạch Giá, Kiên Giang (7,8ha); Dự án Khu thương mại, thị trấn Minh Lương huyện Châu Thành (7,5 ha) và Dự án Hồ dự trữ nước ngọt Vĩnh Thông giai đoạn 1 (20ha).

## **2. Dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2021: (tỷ lệ %/lợi nhuận sau thuế)**

Quỹ phúc lợi, khen thưởng : 8% -10 %

Quỹ đầu tư phát triển sản xuất : 5% - 8 %

Trả thù lao HĐQT, BKS : 3 %

Quỹ khen thưởng khách hàng : 5 %

Thưởng người lao động 1 tháng lương nếu đạt kế hoạch lợi nhuận.

Thưởng HĐQT, Ban điều hành, BKS nếu vượt kế hoạch lợi nhuận:  $\leq 30\%$  trên phần lợi nhuận vượt kế hoạch; phần còn lại nhập quỹ cổ đông.

Chia cổ tức : từ 10% - 15%/năm/vốn điều lệ.

**4- Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh tại các công ty thành viên, liên kết:** (chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận sau thuế thể hiện ở phần Phụ lục kèm theo)

## **II. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN:**

Năm 2021 với mục tiêu là đảm bảo các chỉ tiêu kinh tế năm 2021 và phát triển thương hiệu, chia lãi cổ đông theo kế hoạch, Ban điều hành CIC Group kiên quyết, nỗ lực, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu trên bằng những biện pháp sau:

- Rà soát lại danh mục dự án đầu tư, tập trung nguồn lực cho các dự án trọng điểm và tiềm năng nhất là trong thời điểm dịch bệnh vẫn đang diễn biến phức tạp.

- Chủ động với nguồn vốn vay lĩnh vực bất động sản, nhằm ứng phó với chính sách thắt chặt vốn tín dụng khi lĩnh vực này đang diễn biến nóng tại các thành phố lớn thời gian gần đây.

- Từng bước đưa công tác vận hành khu dân cư chuyên nghiệp hơn, làm gia tăng giá trị bất động sản tại các dự án theo xu hướng hiện nay.

- Tăng cường công tác marketing, tăng cường các kênh phân phối đa dạng bên cạnh các kênh bán hàng truyền thống.

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ chuẩn bị đầu tư dự án, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng; Tích cực phối hợp chặt chẽ với các ban ngành chức năng kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện nhằm đảm bảo các điều kiện kinh doanh sản phẩm theo quy định.

- Phát huy vai trò của các Giám đốc dự án nhằm từng bước tăng cường công tác quản lý đảm bảo chất lượng, tiến độ và thẩm mỹ theo yêu cầu trong tình hình hiện nay.

- Đưa công nghệ, số hóa vào các công tác quản lý, vận hành của Tập đoàn nhằm từng bước chuyên nghiệp và hiệu quả hơn trong các hoạt động.

- Tiếp tục xây dựng môi trường làm việc lý tưởng để thu hút nhân tài nhất là các lĩnh vực mới.

Trong năm 2021, sẽ có nhiều khó khăn và thách thức, nhưng với những định hướng đúng đắn, những con người phù hợp, những quyết sách kịp thời, tin rằng CIC Group sẽ thêm một năm nữa thắng lợi các chỉ tiêu và nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông giao.

Một lần nữa, CIC Group khẳng định yếu tố con người là chìa khóa then chốt cho thành công của đơn vị trong suốt gần 30 năm qua, đồng thời cũng là biện pháp hiệu quả luôn giúp doanh nghiệp vượt khó trong những thời điểm quan trọng nhất. Ban điều hành kêu gọi toàn thể cổ đông, người lao động trong hệ thống Tập đoàn phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất một lòng đưa Tập đoàn vượt khó trong năm 2021.

Trên đây là báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của CIC Group năm 2020 và định hướng các chỉ tiêu kinh doanh, biện pháp thực hiện năm 2021, rất mong được quý cổ đông, tập thể người lao động đóng góp xây dựng để cùng nhau thống nhất thực hiện đạt kết quả tốt./.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**

PHỤ LỤC 1:

**BÁO CÁO KẾT QUẢ SXKD NĂM 2020 VÀ KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021**  
**CÁC CÔNG TY THÀNH VIÊN, LIÊN KẾT**

*Đvt: Triệu đồng*

STT	Các công ty thành viên, liên kết	Số vốn góp 31/12/2020	DOANH THU					Ghi chú
			KH ĐC năm 2020	Lũy kế thực hiện đến 31/12/2020		KH doanh thu năm 2021		
				Giá trị	Tỷ lệ TH/ KHĐC	KH Doanh thu	Tỷ lệ % KH21/ KH20	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	<b>* Công ty thành viên</b>	<b>309.100</b>	<b>786.697</b>	<b>763.447</b>	<b>97,0%</b>	<b>935.931</b>	<b>119,0%</b>	
1	CTCP Tư vấn XD CIC KG	2.550	42.000	43.086	102,6%	42.000	100,0%	
2	CTCP ĐTXD CIC Thăng Anh	10.200	190.000	218.985	115,3%	210.000	110,5%	
3	CTCP Xây dựng CIC KG	9.639	252.000	252.322	100,1%	300.000	119,0%	
4	CTCP TVXD CIC Nam Việt	5.100	93.610	89.060	95,1%	54.500	58,2%	
5	CTCP CIC Tỉnh Khôi	4.421	100.353	66.899	66,7%	84.004	83,7%	
6	CTCP Vật liệu XD CICKG	24.539	101.265	87.189	86,1%	220.280	217,5%	
7	CT TNHH CIC Education	3.300	903	903	100,0%	3.384	374,8%	
8	CT TNHH TMDV CIC KG	10.916	1.900	1.668	87,8%	19.438	1023,1%	
9	CT TNHH ĐTXD CIC PQ	167.093	4.666	3.335	71,5%	2.325	49,8%	
10	CT TNHH CIC Đất mới (*)	56.700	Mới thành lập					
11	CTCP ĐTPPT Hạ Tầng Phú Quốc	14.642	Đang làm thủ tục giải thể					
	<b>* Công ty liên kết</b>	<b>4.470</b>	<b>120.454</b>	<b>121.730</b>	<b>101,1%</b>	<b>123.028</b>	<b>102,1%</b>	
1	CTCP Phát triển đô thị KG	4.470	120.454	121.730	101,1%	123.028	102,1%	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>313.570</b>	<b>907.151</b>	<b>885.177</b>	<b>97,6%</b>	<b>1.058.959</b>	<b>116,7%</b>	

**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG KẾT CÔNG TÁC NHIỆM KỲ 2016 - 2021  
VÀ MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM KỲ 2021 - 2026**

Nhiệm kỳ 5 năm lần thứ III (2016 – 2021) của Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Tư Vấn Đầu Tư Xây Dựng Kiên Giang (CIC Group) đã khép lại. HĐQT trân trọng báo cáo cho toàn thể quý cổ đông những hoạt động nổi bật trong nhiệm kỳ qua cũng như cùng đề ra mục tiêu nhiệm vụ nhiệm kỳ 2021 – 2026 như sau:

**Phần 1: KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NHIỆM KỲ 2016 - 2021**

**I. Kết quả hoạt động của CIC Group:**

**1. Về quy mô Công ty:**

+ Cơ cấu tổ chức: CIC Group phát triển theo mô hình Tập đoàn đa ngành nghề, đa lĩnh vực, với hệ thống của CIC Group bao gồm 11 Công ty thành viên và 01 Công ty liên kết.

+ Vốn điều lệ (Vốn góp Chủ sở hữu) năm 2016 là: 276 tỷ đồng; đến 2021 là 824,998 tỷ đồng (**Tăng 2,99 lần**). Trong đó năm 2018 phát hành tăng vốn từ 276 tỷ lên 500 tỷ. Năm 2020 phát hành cổ phiếu chi cổ tức 5% tăng vốn từ 500 tỷ lên 524,998 tỷ. **Quý 1 năm 2021 phát hành thành công 30 triệu cổ phiếu tăng vốn từ 524,998 tỷ lên 824,998 tỷ.**

Sau 15 năm chuyển đổi sang loại hình Công ty cổ phần, Vốn chủ sở hữu của CIC Group biến động qua từng năm như sau:

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	2016	2017	2018	2019	2020
1	Vốn góp của chủ sở hữu	276.000	276.000	500.000	500.000	524.998
2	Thặng dư vốn cổ phần	21.414	21.414	36.403	36.403	36.403
3	Quỹ đầu tư phát triển	8.236	11.216	15.296	20.389	26.132
4	LNST chưa phân phối	17.673	19.214	21.364	16.160	17.203
	<b>Tổng Vốn chủ sở hữu</b>	<b>323.323</b>	<b>327.844</b>	<b>573.063</b>	<b>572.952</b>	<b>604.736</b>

+ Tổng tài sản của CIC Group đầu năm 2016 từ 1.276 tỷ đồng tăng lên 4.568 tỷ đồng vào 2020. (**Tăng 3,58 lần**).

+ Cổ tức cho cổ đông hàng năm  $\geq$  13%, tổng số tiền mặt đã chi cổ tức trong nhiệm kỳ là: **192,280 tỷ đồng**.

Đặc biệt là ngày 25/03/2020 CIC Group đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã CKG.

## 2. Về kết quả sản xuất kinh doanh:

+ Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 được tổ chức vào ngày 24/3/2016 đã thông qua phương hướng nhiệm kỳ thứ III (2016-2021) với mức tăng trưởng các chỉ tiêu kinh tế duy trì ở mức từ 5% -10% so với năm trước liền kề, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp:

Trong nhiệm kỳ HĐQT thường xuyên tập trung chỉ đạo việc thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ; Đặc biệt là trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, trong nhiệm kỳ qua CIC Group đã tiến hành khởi công đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và nhà ở tại Dự án khu biệt thự Seaview (1,5 ha); dự án Khu đô thị mới Lân biển Tây Bắc (99,8 ha), Khu dân cư Nam An Hoà (39,3ha); dự án Khu biệt thự cao cấp Xã Cửa Dương huyện Phú Quốc (KBT cao cấp Búng Gội 1) (6,9ha); Dự án Trường Mầm non - Tiểu học Quốc tế Mekong Xanh (0,84ha).

Chỉ đạo tập trung hoàn thiện hồ sơ pháp lý cho các dự án: Khu dân cư Chợ Nông hải sản - Trung tâm Thương mại Rạch Giá (14,1 ha); Dự án tuyến dân cư đường số 2 phường Vĩnh Quang (10,9 ha); Dự án Khu dân cư Bắc Vĩnh Quang giai đoạn 1 (10ha); Dự án Khu biệt thự cao cấp Village Búng Gội (3,2ha) Dự án Khu biệt thự cao cấp Phú Quốc Riverside Villas (5,7ha); Dự án Khu phức hợp thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp Resident Hill Phú Quốc (4,3ha); Khu biệt thự du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Bãi Vòng (34,3ha); Khu du lịch nghỉ dưỡng Bãi Cây Mên (Nam Du - Kiên Hải) (10,9ha).

Với nhiều dự án liên quan đến bất động sản, thương mại dịch vụ và giáo dục đã liên tục được tổ chức khởi công, khai trương trong nhiệm kỳ vừa qua làm cho kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đạt được như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu chính	Kế hoạch nhiệm kỳ	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Thực hiện nhiệm kỳ	Tỷ lệ TH/KH
Doanh thu (bao gồm doanh thu nội bộ)	4.038.198	619.401	697.792	798.291	1.002.396	1.122.314	4.240.194	105,00%
Lợi nhuận sau thuế	361.535	53.995	59.602	81.602	101.671	115.046	411.916	113,94%
Nộp ngân sách	316.818	70.000	81.000	85.000	100.288	55.000	391.288	123,51%
Đóng góp xã hội	19.000	3.265	4.137	4.783	11.213	7.000	30.398	159,99%
Tỷ suất LNST/Doanh thu (%)	8,95	8,72	8,54	10,22	10,14	10,25	9,71	108,51%
Tỷ suất LNST/ Vốn góp CSH (%)	68,86	10,28	11,35	15,54	19,37	21,91	78,46	113,94%

### Cụ thể các chỉ tiêu:

- + Về Doanh thu đạt: 4.240 tỷ; tăng 105% so với kế hoạch nhiệm kỳ.
- + LNST đạt 411,916 tỷ; tăng 113,94% so với kế hoạch nhiệm kỳ.
- + Nộp ngân sách đạt 391,288 tỷ; tăng 123,51% so kế hoạch nhiệm kỳ.
- + Tỷ suất LNST/Doanh thu (%) bình quân đạt 9,71%; tăng 108,51% so với KH nhiệm kỳ.
- + Tỷ suất LNST/ Vốn góp CSH (%) đạt 78,46%; tăng 113,94% so với KH nhiệm kỳ.

Bên cạnh đó, CIC Group luôn là đơn vị dẫn đầu trong công tác công tác an sinh xã hội, tham gia đóng góp cho các địa phương trong những chương trình xã hội hàng chục tỷ đồng.

### **3. Về công tác đầu tư xây dựng:**

Hội đồng quản trị xác định đầu tư các dự án là công tác đặc biệt quan trọng, quyết định đến tăng trưởng và các chỉ tiêu lớn nên trong tất cả các phiên họp đều dành nhiều thời gian thích đáng để bàn thảo về công tác này. Những vấn đề nảy sinh được trao đổi trên tinh thần tất cả vì hiệu quả kinh doanh của CIC Group. Nhờ đó, các quyết định đầu tư đưa ra đúng thời điểm, phù hợp với khả năng tài chính và nhu cầu thị trường. Trong nhiệm kỳ qua đã ban hành 08 quyết định đầu tư vào các dự án mới với tổng mức đầu tư trên 3.956,4 tỷ đồng (*Dự án khu biệt thự Seaview: 194,7 tỷ đồng; Dự án Khu biệt thự Lạc Hồng : 44,3 tỷ đồng; Dự án Khu dân cư Nam An Hòa: 846 tỷ đồng; Dự án tuyến dân cư đường số 2: 760,2 tỷ đồng; Dự án khu dân cư Chợ Nông hải sản TTTM Rạch Giá: 493,6 tỷ đồng; Dự án Trường Mầm non – Trường Tiểu học Quốc tế Mekong Xanh: 154,5 tỷ đồng; Dự án khu biệt thự xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc (BT Búng Gôi 1): 90,9 tỷ đồng; Dự án khu biệt thự cao cấp Phú Quốc Riverside Villas: 556,2 tỷ đồng*). Kết quả là các dự án đầu tư đều khai thác tốt có nhiều dự án trong nhiệm kỳ đã khai thác hoàn thành được 100% và đạt hiệu quả cao, góp phần vào kết quả sản xuất kinh doanh chung của CIC Group trong suốt nhiệm kỳ qua.

### **4. Về nhân sự, lao động và đời sống:**

Trong nhiệm kỳ HĐQT đã bổ nhiệm Tổng Giám đốc điều hành và 03 phó Tổng Giám đốc đảm bảo đủ năng lực thực thi các chủ trương, Quyết định của HĐQT và Nghị quyết ĐHCĐ.

Hội đồng quản trị nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng của đội ngũ người lao động trong CIC Group. Thường xuyên chỉ đạo Ban điều hành nâng cao chất lượng nguồn lao động, tăng năng suất lao động để tăng thu nhập, giữ quỹ tiền lương ở mức hợp lý.

Cụ thể như sau:

<b>Nội dung</b>	<b>2016</b>	<b>2017</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>
Tổng số lao động (người)	305	314	333	200	204
Tiền lương bình quân tháng (Trđ/người/tháng)	15,842	15,931	16,654	16,763	18,254
Đơn giá tiền lương/doanh thu (%)	9,36%	8,82%	8,34%	4,01%	3,98%

### **5. Kết quả một số hoạt động khác:**

Ngoài các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh hàng năm theo Nghị quyết của ĐHCĐ; Hội đồng quản trị còn luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng sản phẩm và phát triển thương hiệu. Trong nhiệm kỳ qua Doanh nghiệp đạt các giải thưởng như sau: Top 100 Doanh nghiệp mạnh Đông Nam Á (2016); Top 100 thương hiệu, sản phẩm uy tín (2017); Doanh nghiệp phát triển bền vững khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (2018); thương hiệu Việt bền vững; Top 10 thương hiệu Việt uy tín lần thứ 15 (2019); Top 10 thương hiệu hàng đầu Việt Nam (2020). 5 năm liền được Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc và nhiều bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh Kiên Giang.

## **II. Hoạt động của Hội đồng quản trị :**

### **1. Nhân sự nhiệm kỳ 2016 - 2021:**

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2016 đã bầu 09 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ thứ III (2016 - 2021). Năm 2017 Đại hội đồng cổ đông thường niên đã miễn nhiệm 01 thành viên (là Ông Trương Anh Tuấn). Năm 2019 bầu bổ sung 01 thành viên



HĐQT (là Ông Thái Ngọc Hùng). Năm 2020 miễn nhiệm chức danh 02 thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2016-2021 đối với Ông Trương Thanh Hiếu và Ông Phạm Văn Lợi (do có đơn xin từ nhiệm) và bầu bổ sung Ông Lưu Chí Thịnh đại diện vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư HUD Kiên Giang và Ông Lê Trọng Tú đại diện vốn góp của Công ty TNHH MTV Phương Nam Kiên Giang làm thành viên.

Hiện tại, số lượng thành viên HĐQT là 09 người, gồm:

- |                               |                   |
|-------------------------------|-------------------|
| 1. Ông Trần Thọ Thắng         | Chủ tịch HĐQT     |
| 2. Ông Nguyễn Đức Hiền        | Phó Chủ tịch HĐQT |
| 3. Ông Lưu Chí Thịnh          | Thành viên        |
| 4. Ông Lê Trọng Ngọc          | Thành viên        |
| 5. Bà Nguyễn Thị Hoa Lệ       | Thành viên        |
| 6. Bà Nguyễn Thị Diệu Trâm    | Thành viên        |
| 7. Ông Lê Trọng Tú            | Thành viên        |
| 8. Ông Nguyễn Hữu Hoài Phương | Thành viên        |
| 9. Ông Thái Ngọc Hùng         | Thành viên        |

## **2. Kết quả thực hiện chức năng và nhiệm vụ:**

Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra thay mặt cổ đông quản lý CIC Group theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của CIC Group và các văn bản pháp luật có liên quan, làm việc theo nguyên tắc đa số nhất trí. Ngoài việc phải đảm bảo tính đồng thuận trong việc ra quyết định, trong quá trình thảo luận tại các phiên họp từng thành viên đều có ý kiến riêng, độc lập của mình để Hội đồng quản trị cân nhắc trước khi ra quyết định cuối cùng. Khi các ý kiến có sự khác biệt sẽ được cân nhắc, làm rõ và điều chỉnh để tìm được tiếng nói chung. Các quyết định của Hội đồng quản trị đưa ra đều mang tính định hướng tích cực trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của cổ đông và CIC Group.

Trong nhiệm kỳ; Hội đồng quản trị tổ chức họp chính thức 26 phiên, kịp thời chỉ đạo hoạt động của CIC Group. Mục tiêu phấn đấu của Hội đồng quản trị là chỉ đạo, quản lý CIC Group đạt các chỉ tiêu đã cam kết trước Đại hội đồng cổ đông, đặc biệt là chỉ tiêu lợi nhuận, chia lãi cổ đông.

Một phần quan trọng trong công tác của Hội đồng quản trị là định hướng phát triển trung và dài hạn của CIC Group. Nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị đã tuân thủ theo định hướng “Chiến lược phát triển CIC Group giai đoạn 2016 - 2021” đã thông qua Đại hội đồng cổ đông. Trong đó có một số điều chỉnh linh hoạt của Hội đồng quản trị mang tính chiến lược quyết định đến triển vọng phát triển CIC Group giai đoạn 2021 - 2026, cụ thể:

- **Về quy mô doanh nghiệp:** Nhiệm kỳ qua, Hội đồng quản trị đã phát triển CIC Group từ mô hình công ty mẹ - con sang mô hình tập đoàn kinh doanh đa lĩnh vực, đa ngành nghề và tổ hợp các công ty thành viên, liên kết thật sự có hiệu quả. Các công ty trong hệ thống có thể hỗ trợ qua lại tạo hệ thống khép kín trong lĩnh vực tư vấn thiết kế - đầu tư dự án - xây dựng - vật liệu - kinh doanh bất động sản - đầu tư tài chính.

- **Về định hướng phát triển ngành nghề:** Tiếp tục duy trì thị phần lĩnh vực tư vấn truyền thông, tập trung phát triển mạnh lĩnh vực đầu tư dự án, kinh doanh bất động sản và hoạt động tài chính, lĩnh vực kinh doanh Nhà hàng, giáo dục, siêu thị. Hội đồng quản trị xác định lĩnh vực đầu tư dự án, đầu tư tài chính là công tác đặc biệt quan trọng, quyết định đến tốc độ tăng trưởng và các chỉ tiêu lớn CIC Group trong nhiệm kỳ tới. Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành chuẩn bị nguồn nhân lực phát triển thị trường, chuẩn bị tốt công tác

chuẩn bị đầu tư dự án cho giai đoạn trung hạn và dài hạn, giúp CIC Group luôn đảm bảo các chỉ tiêu tăng trưởng ổn định và bền vững trong những giai đoạn tiếp theo.

- **Về định hướng phát triển thị trường kinh doanh:** Tập trung 2 thị trường chính tại Thành phố Rạch Giá và huyện đảo Phú Quốc. Đây cũng là 2 thị trường trọng điểm để đầu tư các dự án tiềm năng đã, đang và sẽ đem lại lợi nhuận cao cho CIC Group trong những năm qua và những năm sắp tới.

### **III. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:**

Trong quá trình chỉ đạo các mặt hoạt động của CIC Group, Hội đồng quản trị thường xuyên duy trì công tác giám sát đối với Tổng Giám đốc và các Cán bộ quản lý thông qua kiểm điểm thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị và chất vấn tại các phiên họp. Công tác giám sát giúp hoạt động của Tổng giám đốc liên tục và nhất quán trong chỉ đạo tổ chức sản xuất kinh doanh, tuân thủ Điều lệ CIC Group nhưng không làm ảnh hưởng đến tính chủ động sáng tạo của người đứng đầu bộ máy điều hành. Với các cán bộ quản lý khác, Hội đồng quản trị căn cứ chức năng nhiệm vụ được phân công, quá trình tổ chức thực hiện, đối chiếu với kết quả hoàn thành để có chỉ đạo kịp thời.

Nhìn chung, giám sát quá trình tác nghiệp của Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong CIC Group chưa phát hiện các vi phạm Điều lệ CIC Group, vi phạm pháp luật cũng như những quy tắc, quy chế chung.

## **Phần 2 : MỤC TIÊU, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM KỲ 2021 – 2026**

Nhiệm kỳ 2021-2026 được xác định đây là nhiệm kỳ rất quan trọng để đưa Doanh nghiệp phát triển thương hiệu CIC Group ngày càng phát triển ổn định và bền vững, với những thuận lợi hiện tại CIC Group đã có những dự án lớn gói đầu và tiềm năng sẽ đưa vào khai thác kinh doanh đạt hiệu ứng tích cực. Tuy nhiên cũng không ít thách thức đặt ra đối với Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong nhiệm kỳ mới. Đó là dự báo tình hình kinh tế sẽ vô cùng khó khăn đối nền kinh tế Thế giới và Việt Nam nói chung và cộng đồng doanh nghiệp nói riêng khi hầu hết các lĩnh vực sản xuất kinh doanh đều bị ảnh hưởng bởi tình hình dịch bệnh COVID - 19 đang diễn ra phức tạp và ngày càng bất ổn định. Với những thuận lợi và khó khăn trên, Hội đồng quản trị đề ra mục tiêu, phương hướng nhiệm kỳ 2021 – 2026 như sau:

### **I/. Định hướng về đầu tư dự án:**

- Tập trung rà soát và cơ cấu lại danh mục đầu tư các dự án tại các địa bàn trong tỉnh, chỉ đạo hoàn thành thủ tục pháp lý các dự án đang triển khai trong kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021 – 2026 tại thành phố Rạch Giá và Phú Quốc để đẩy nhanh tiến độ triển khai và kinh doanh dự án đảm bảo dòng vốn hiệu quả.

- Tiếp tục triển khai một số dự án đã có chấp thuận chủ trương đầu tư như sau:

**Tại Thành phố Rạch Giá:** Dự án Nhà ở xã hội dự án Khu Đô thị mới Tây Bắc (7,03ha); Khu dân cư Chợ Nông hải sản Trung tâm thương mại Rạch Giá (14,1ha); Dự án tuyến dân cư đường số 2, phường Vĩnh Quang (10,9ha); Dự án khu dân cư Bắc Vĩnh Quang, phường Vĩnh Quang (25 ha) ; Dự án trung tâm thương mại CIC Mall thành phố Rạch Giá (1,9 ha).

**Tại Phú Quốc và Kiên Hải:** Dự án Khu biệt thự cao cấp Phú Quốc Riverside Villas (5,7 ha); Dự án Khu biệt thự cao cấp Village Búng Gội (3,2ha); Dự án Khu phức hợp thương mại dịch vụ và căn hộ cao cấp Resident Hill Phú Quốc (4,3ha); Khu biệt thự du lịch

sinh thái nghỉ dưỡng Bãi Vòng, Phú Quốc (34,3ha); Khu du lịch nghỉ dưỡng Bãi Cây Mến (Nam Du - Kiên Hải) (10,9ha).

**Tiếp tục xin chủ trương đầu tư:** Chuẩn bị một bước công tác chuẩn bị đầu tư cho các dự án như: Dự án Khu dân cư Nam An Hòa giai đoạn 2 (7,8ha); Dự án Khu thương mại, thị trấn Minh Lương huyện Châu Thành (7,5 ha); Dự án Khu Đô thị Lạc Hồng (68ha); Dự án đường Huỳnh Thúc Kháng (9,4 ha); Dự án tuyến dân cư đường số 1 (25,5ha).

- Đối với những dự án lớn sẽ ưu tiên liên doanh liên kết, hợp tác với các đối tác có thế mạnh về quản trị, nguồn vốn để giảm áp lực điều hành dự án, giảm chi phí lãi vay, hạ giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả kinh doanh, hiệu quả dự án.

## II. Định hướng chỉ tiêu sản xuất kinh doanh:

Trên cơ sở tiến độ triển khai và kinh doanh các dự án; Hội đồng quản trị định hướng các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh trong giai đoạn 2021 – 2026 sẽ có bước đột phá về mức tăng trưởng các chỉ tiêu kinh tế tăng trưởng như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu chính	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng Nhiệm kỳ	So với NK trước
Doanh thu (có khối lượng nội bộ)	1.396.700	1.548.000	1.722.700	1.810.000	1.900.000	8.377.400	197,57
Lợi nhuận trước thuế	176.800	208.100	245.900	258.195	258.810	1.147.805	278,65
Lợi nhuận sau thuế	140.900	166.500	196.700	206.535	216.862	927.497	237,04
Tỷ suất LNST/ Doanh thu (%)	10,09	10,76	11,42	11,41	11,41	11,07	113,97
Tỷ suất LNST/ Vốn CSH (%)	17,08	20,18	19,67**	20,65	21,69	99,73	127,11

(\*’ Theo lộ trình đầu năm 2023 tăng vốn góp chủ sở hữu lên 1.000 tỷ đồng)

### Cụ thể các chỉ tiêu:

- + Doanh thu phần đầu đạt: 8.377 tỷ (tăng 197,57% so với nhiệm kỳ 2016-2021)
- + Lợi nhuận sau thuế: 927,497 tỷ (tăng 237,04% so với nhiệm kỳ 2016-2021)
- + Tỷ suất LNST/ Doanh thu: 11,07% (tăng 113,97% so với nhiệm kỳ 2016-2021)
- + Tỷ suất LNST/Vốn Chủ SH: 99,73% (tăng 127,11% so với nhiệm kỳ 2016-2021)

## III/. Định hướng về tài chính:

- Rà soát nguồn thu, tập trung chỉ đạo thu hồi công nợ tại các dự án để có kế hoạch chủ động trong tài chính khi triển khai các dự án tiếp theo.

- Cơ cấu lại vốn đầu tư vào các công ty thành viên, liên doanh liên kết nhằm đảm bảo tính hiệu quả và ổn định.

- Xây dựng lộ trình phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong nhiệm kỳ để đảm bảo tỷ lệ vốn đối ứng của chủ sở hữu /tổng vốn đầu tư các dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư dự án bất động sản.

- Cổ phiếu CIC Group trên thị trường chứng khoán có dấu hiệu khả quan, đang thu hút dòng tiền đầu tư của nhà đầu tư giao dịch cổ phiếu, trở nên hấp dẫn vì có mức sinh lời

cao hơn để tạo tính thanh khoản và kênh đầu tư cho nhà đầu tư, đồng thời tạo cơ hội tiếp cận kênh huy động vốn dài hạn thực hiện các dự án của CIC Group trong thời gian tới.

#### **IV. Định hướng về nhân sự, tiền lương:**

1/. Nhân sự HĐQT: Trình ĐHCĐ cơ cấu lại số lượng và nhân sự cụ thể thành viên HĐQT đảm bảo công tác quản lý, điều hành, giám sát của HĐQT theo đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty. Đảm bảo số thành viên HĐQT độc lập theo quy định Pháp Luật về Doanh nghiệp và Chứng khoán.

2/. Nhân sự điều hành: Tuyển chọn các nhân sự điều hành đảm bảo năng lực thực thi các kế hoạch của HĐQT và Nghị quyết ĐHCĐ. Tiếp tục chỉ đạo cơ cấu lại bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn, chuyên nghiệp. Chú trọng công tác quản trị tài chính, tư vấn pháp lý cho mọi hoạt động của doanh nghiệp. Chỉ đạo thực hiện việc luân chuyển các vị trí quản lý, điều hành để từng bước chuẩn hoá và xây dựng đội ngũ quản lý có trình độ, năng lực, được thử thách ở các môi trường làm việc khác nhau nhằm đáp ứng sự phát triển lâu dài trong Doanh nghiệp.

3/. Tiền lương và chế độ đãi ngộ: Tiếp tục chỉ đạo xây dựng thang lương, bảng lương mới phù hợp, đảm bảo mục tiêu của công cụ tiền lương trong quản trị là kích thích tăng năng suất lao động. Quan tâm đặc biệt đến công tác tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, bổ nhiệm chế độ đãi ngộ đối với nguồn nhân lực quản lý chất lượng cao cho CIC Group nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh trong giai đoạn mới.

#### **VI. Nhận xét, đánh giá chung:**

Năm năm qua Hội đồng quản trị đã luôn chủ động tìm nhiều biện pháp phối hợp chỉ đạo mọi hoạt động của CIC Group nhằm đạt các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, làm nghĩa vụ với Nhà nước và ổn định đời sống người lao động, đồng thời góp phần vào tăng trưởng chung của ngành xây dựng tỉnh Kiên Giang.

Các thành viên Hội đồng quản trị đã nỗ lực làm đúng chức trách được cổ đông ủy quyền, đã trao đổi thẳng thắn mang tính xây dựng và bảo vệ quan điểm với mục đích duy nhất là phấn đấu để CIC Group đạt các chỉ tiêu kinh doanh và phát triển bền vững. Có thể khẳng định Hội đồng quản trị nhiệm kỳ thứ III (2016 – 2021) đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 - 2026 sẽ tiếp tục quản lý, điều hành, giám sát các hoạt động của CIC Group theo những định hướng dài hạn được đề ra từ hôm nay, trong đó phân thành những bước đi cụ thể cho từng giai đoạn, làm cho CIC Group ngày càng lớn mạnh và có vị thế xứng tầm trong tỉnh cũng như trong khu vực.

Một lần nữa, thay mặt Hội đồng quản trị, xin cảm ơn quý cổ đông, quý quan khách đã dành chút thời gian quý báu đến tham dự và cho ý kiến xây dựng Đại hội.

Kính chúc quý đại biểu sức khỏe, an khang và thịnh vượng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**TRẦN THỌ THẮNG**

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TRA, GIÁM SÁT NĂM 2020  
VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp; Luật Chứng khoán nước CHXHCN Việt Nam;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của CTCP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát được ghi trong Điều lệ hoạt động của Tập đoàn.
- Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam và kết quả các kỳ kiểm tra, kiểm soát trên cơ sở các tài liệu liên quan đến quá trình hoạt động kinh doanh năm 2020.

Về đánh giá kết quả các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn năm 2020: Ban kiểm soát thống nhất với báo cáo đánh giá kết quả hoạt động năm 2020 của Hội đồng quản trị (HDQT) về các mặt: kinh doanh đầu tư dự án, công tác tổ chức và sắp xếp nhân sự cho các công ty thành viên, quản lý công nợ, công tác chăm lo về đời sống cho người lao động và các mặt công tác khác của Tập đoàn, đồng thời báo cáo đã nêu rõ những vấn đề còn tồn tại và những vấn đề cần quan tâm chỉ đạo thực hiện trong năm 2020.

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về kết quả kiểm tra, giám sát các hoạt động trong năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

**PHẦN I – KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2020**

**I. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

**- Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2016 – 2021 gồm 03 thành viên:**

1. Ông Hà Minh Tuân – Trưởng ban
2. Bà Nguyễn Bích Nghĩa – Thành viên
3. Ông Nguyễn Văn Út – Thành viên

Trong năm 2020, Ban kiểm soát đã lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên, triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Tập đoàn và tổ chức họp định kỳ; thực hiện nhiệm vụ giám sát, đã tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Ban kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Tập đoàn trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD), cụ thể:

+ Xem xét tính pháp lý, trình tự, thủ tục ban hành các nghị quyết, quyết định của HDQT, Ban TGD;

+ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020;

+ Theo dõi việc vay vốn tại các Ngân hàng thương mại cổ phần để bổ sung vốn lưu động và đầu tư các dự án trong năm 2020.

+ Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý, năm nhằm đánh giá tính trung thực hợp lý và chính xác trong việc ghi chép, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán và tài chính hiện hành;

+ Giám sát việc thực thi công bố thông tin theo quy định của Luật chứng khoán, xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

## **II. Kết quả thực hiện:**

### **1. Kết quả giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị:**

Năm 2020, Hội đồng quản trị đã tiến hành họp định kỳ hàng quý, thông qua các kỳ họp HĐQT và ban hành các quyết định, nghị quyết để Tổng Giám đốc có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch SXKD; trong năm 2020 mặc dù chịu sự ảnh hưởng của dịch Covid 19 nhưng HĐQT đã luôn chỉ đạo sát sao đối với ban TGDĐ và các phòng ban nên Doanh thu và Lợi nhuận đạt và vượt kế hoạch đề ra.

Trong năm HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty; HĐQT đã bổ nhiệm Tổng giám đốc từ ngày 01/08/2020 theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính phủ về việc quản trị công ty đối với công ty đại chúng; bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc theo dõi, quản lý, đôn đốc công tác đầu tư các dự án và đấu thầu; đảm bảo việc chỉ đạo và quản trị Công ty theo đúng quy định Pháp luật và mục tiêu kinh doanh. Nội dung các cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận được bàn bạc dân chủ, các quyết định của HĐQT có sự thống nhất cao của các thành viên;

### **2. Kết quả giám sát của Tổng giám đốc:**

#### **2.1 Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh:**

Năm 2020, Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Tập đoàn đã có nhiều nỗ lực điều hành hoạt động kinh doanh hoàn thành đạt và vượt các chỉ tiêu quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 thông qua, chỉ tiêu doanh thu là 1.122.314 triệu đồng đạt 106,6% KH, lợi nhuận trước thuế là 144.979 triệu đồng đạt 110,9% KH, lợi nhuận sau thuế là 115.046 triệu đồng đạt 112,8% KH;

Ban Kiểm soát thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình, thống nhất với các số liệu về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 theo báo cáo của Tổng Giám đốc và báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

#### **2.2 Về công tác điều hành của Tổng Giám đốc và các bộ quản lý khác:**

Ban Tổng giám đốc đã triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, trong năm Tập đoàn triển khai và tiếp tục thực hiện thủ tục chuẩn bị đầu tư một số dự án lớn nhằm gói đầu năm 2020, chỉ đạo sát sao trong công tác thu hồi công nợ; sử dụng vốn, tài sản, lao động, phân công nhiệm vụ trong Ban điều hành phù hợp với khả năng trình độ nên mang lại hiệu quả cao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước và chế độ chính sách cho người lao động thực hiện đúng Luật lao động.

#### **2.3 Về công tác đầu tư:**

Thực hiện các thủ tục đầu tư dự án theo đúng quy định. Cơ cấu đầu tư và phân bổ nguồn vốn cho các dự án mới và các dự án cũ của Tập đoàn là phù hợp, không dàn trải và tạo nguồn gói đầu cho các năm tiếp theo, đảm bảo đúng tiến độ và hiệu quả đầu tư.

Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc luôn đảm bảo lập kế hoạch tài chính cho từng dự án. Dự án đã cân đối được nguồn vốn, được ngân hàng cho vay thì mới triển khai nên tạo sự ổn định trong đầu tư dự án của doanh nghiệp.

### **3. Thẩm định báo cáo tài chính năm 2020:**

- Báo cáo tài chính năm 2020 bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo hoạt động SXKD, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính đã được Công ty lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành;

- Hệ thống chứng từ kế toán, sổ kế toán được lập, ghi chép và lưu trữ đúng quy định, đầy đủ gọn gàng, dễ tìm, đáp ứng các yêu cầu cho công tác kiểm tra;

- Báo cáo tài chính năm 2020 riêng lẻ và hợp nhất đã được Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam là đơn vị đã được UBCKNN chấp nhận kiểm toán các Công ty niêm yết;

- Ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính năm 2020 của Tập đoàn là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Các báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2020.

- Công tác báo cáo, công bố thông tin định kỳ và theo yêu cầu của UBCKNN; Trung tâm Lưu ký và Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh được thực hiện theo đúng nội quy quy định của một Công ty Niêm yết.

### **4. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020:**

- Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và vượt trên 100% các nội dung trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020

- HĐQT và Ban Tổng giám đốc đã có nhiều biện pháp tích cực chỉ đạo, điều hành thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ, Nghị quyết HĐQT, các đơn vị trực thuộc, các Phòng/Ban nghiệp vụ đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, tổ chức kinh doanh có lãi, đảm bảo việc làm cho người lao động với thu nhập ổn định, duy trì và bảo tồn vốn cho cổ đông.

### **5. Các hoạt động công tác khác:**

Các quy trình hoạt động của Tập đoàn được đảm bảo và tuân thủ theo đúng pháp luật; các chế độ, quyền lợi của cán bộ, nhân viên, người lao động được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cụ thể:

+ Trong năm Công ty tiếp tục đã hoàn thành các bước sắp xếp lại các doanh nghiệp, trên cơ sở tách một số lĩnh vực hoạt động Công ty mẹ thành lập các công ty thành viên, liên kết hoạt động độc lập theo Luật Doanh Nghiệp, kiện toàn lại bộ máy tổ chức của Tập đoàn tránh lãng phí nhằm từng bước nâng lên về tính chuyên nghiệp và hiệu quả cao cho tất cả các lĩnh vực.

+ Thực hiện ký kết hợp đồng lao động được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật lao động;

+ Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể cán bộ, nhân viên, người lao động, thực hiện các chế độ, chính sách đầy đủ, đúng quy định cho người lao động như đóng BHXH, BHYT, BHTN, chi trả lương hàng tháng được kịp thời đúng quy định, ngoài ra các chế độ phúc lợi khác luôn được đảm bảo, duy trì, giải quyết các chế độ chính sách cho người lao động nghỉ hưu, chính sách dôi dư và chấm dứt hợp đồng, ốm đau, bệnh tật được

thực hiện kịp thời, đầy đủ nhằm đảm bảo mọi quyền lợi cho người lao động. Nhờ vậy trong năm qua, người lao động đã tích cực đóng góp và đồng hành cùng với Ban lãnh đạo hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Đại hội đồng cổ đông giao.

+ Các tổ chức chính trị xã hội: công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được Công ty quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật Doanh nghiệp.

## **PHẦN II – PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NĂM 2021**

### **1. Các nội dung trọng tâm:**

Năm 2021, nhằm tạo niềm tin cho cổ đông, hỗ trợ cho HĐQT và Ban TGD, Ban Kiểm soát sẽ tăng cường các hoạt động cụ thể như sau:

Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện công việc kiểm tra, giám sát theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

Ban Kiểm soát sẽ lập kế hoạch thực hiện các cuộc kiểm tra, kiểm soát liên quan đến các mặt hoạt động kinh doanh, tài chính, đầu tư của Tập đoàn;

Giám sát HĐQT, Ban điều hành Công ty thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021;

Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

### **2. Đề xuất, kiến nghị:**

Để hoàn thành tốt các chỉ tiêu năm 2021 được Đại hội đồng cổ đông thường niên biểu quyết thông qua, nhằm hạn chế những sai sót, rủi ro trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban kiểm soát đưa ra một số kiến nghị, giải pháp cụ thể như sau:

- Tiếp tục hoàn thiện các hệ thống các quy trình, quy chế hiện có phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định hiện hành liên quan, văn bản nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty có hiệu quả, thực hiện đúng Điều lệ công ty và đúng pháp luật.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty;

- Chỉ đạo công tác thực hiện các dự án đã và đang thực hiện một cách nhanh nhất để tiết kiệm chi phí tăng Doanh thu và lợi nhuận cho Tập đoàn.

Trên đây là báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020, Ban kiểm soát trân trọng báo cáo trình trước Đại hội, đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính chúc Tập đoàn ngày càng phát triển, ổn định bền vững, chúc Quý vị cổ đông dồi dào sức khỏe, chúc Đại hội đồng cổ đông thành công tốt đẹp.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**HÀ MINH TUÂN**



DỰ THẢO

Kiên Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2021

Số: 01/TTr-HĐQT-2021

## TỜ TRÌNH

### V/v các nội dung xin ý kiến biểu quyết của Đại hội đồng cổ đông 2021

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam, chính thức có hiệu lực ngày 01/01/2021;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Căn cứ vào Nghị quyết số: 01/NQ-ĐHCD ngày 30/05/2020 của Đại hội đồng cổ đông 2020;

- Căn cứ Báo cáo kết quả thực hiện năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Kiểm soát (BKS) và Tổng Giám đốc (TGD);

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua một số nội dung thuộc thẩm quyền như sau:

**1. Thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và Báo cáo tài chính 2020 của Công ty đã được kiểm toán.**

**2. Thông qua việc Phân phối lợi nhuận năm 2020 (tỷ lệ %/LNST) cụ thể như sau:**

STT	Chỉ tiêu	Phân phối năm 2020	
		Tỷ lệ trích theo NQ ĐHCĐ 2020	Thành tiền (đồng)
1	Lợi nhuận sau thuế (Kế hoạch)		101.996.000.000
2	Lợi nhuận sau thuế (Thực hiện)		115.046.000.000
	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	10%	11.504.600.000
	Trích quỹ đầu tư phát triển	5%	5.752.300.000
	Trả thù lao HĐQT, BKS	3%	3.451.400.000
	Trích quỹ khen thưởng khách hàng	5%	5.752.300.000
	Thưởng HĐQT, Ban điều hành, BKS do vượt kế hoạch lợi nhuận	20%/ LNST vượt KH (*)	2.610.000.000
	Thưởng người lao động (1/2 tháng lương)		1.500.000.000
	Chia cổ tức (Vốn điều lệ 824,998 tỷ đồng)	9% (**)	74.249.800.000
3	Lợi nhuận chưa phân phối nhập quỹ cổ đông		10.225.600.000

(\*): Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2020 là  $\leq 30\%/LN$  sau thuế vượt KH

(\*\*): Nghị quyết ĐHCĐ thường niên 2020 là  $13\% - 15\%/năm/Vốn$  điều lệ 524,998 tỷ đồng

**3. Thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2021:**

### 3.1 Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

STT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Năm 2021	
				Kế hoạch	Tỷ lệ KH21/TH20
1	Doanh thu	Trđ	1.122.314	1.396.700	124,4%
2	LN trước thuế	Trđ	144.979	176.800	121,9%
3	LN sau thuế	Trđ	115.046	140.900	122,5%
4	Nộp ngân sách	Trđ	58.000	60.000	103,4%
5	Đóng góp xã hội	Trđ	7.000	7.000	100,0%
6	Tổng quỹ lương	Trđ	44.699	48.652	108,8%
7	Lao động	Người	204	214	104,9%
8	Tiền lương BQ	Trđ/ng/thg	18,259	18,945	103,8%

### 3.2 Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021: (tỷ lệ % /lợi nhuận sau thuế)

Quỹ phúc lợi, khen thưởng : 8% - 10%

Quỹ đầu tư phát triển sản xuất : 5% - 8%

Trả thù lao HĐQT, BKS : 3%

Quỹ khen thưởng khách hàng : 5%

Thưởng Người lao động 1 tháng lương nếu đạt kế hoạch lợi nhuận.

Thưởng HĐQT, Ban điều hành, BKS nếu vượt kế hoạch lợi nhuận:  $\leq 30\%$  trên phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch; phần còn lại nhập quỹ cổ đông.

Chia cổ tức : từ 10% - 15%/năm.

4. Thông qua các giao dịch của Công ty với các cá nhân, tổ chức có liên quan được thể hiện trong báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020.
5. Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT xem xét, phê duyệt việc thực hiện các giao dịch của Công ty cho các cá nhân, tổ chức có liên quan theo quy định tại Điều 167 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam.
6. Ủy quyền cho HĐQT được quyết định bổ sung các ngành nghề kinh doanh mới phát sinh trong năm 2021, và được bổ sung các nội dung này trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
7. Ủy quyền HĐQT chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2021.
8. Ủy quyền cho HĐQT triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021.

**Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận theo đề nghị.**

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**TRẦN THỌ THẮNG**

Số: 02/TTr-HĐQT-2021

Kiên Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2021

## **TỜ TRÌNH**

### **V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Tập đoàn**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Tập đoàn Tư  
vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty  
đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ  
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn  
Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (Công ty) đã được Đại hội đồng cổ đông thông  
qua,

Trên cơ sở rà soát Điều lệ tổ chức và hoạt động hiện hành, để đảm bảo  
phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu về quản trị, điều hành của Công  
ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Dự  
thảo Điều lệ Tổ chức và Hoạt động Công ty (đính kèm theo Tờ trình này) với  
những thay đổi như sau:

1. Các nội dung đề xuất thay đổi chủ yếu ở các điều số 1, 12, 13, 14, 16,  
17, 20, 25, 26, 27, 30, 32, chương 9 (36 tới 38), 40, 42, 51 với nội dung được  
sửa đổi, bổ sung tuân theo quy định tương ứng tại Luật Doanh nghiệp 2020,  
Luật Chứng khoán 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của  
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (Sau  
đây gọi tắt là Nghị định 155) và có tham khảo Điều lệ mẫu tại Phụ lục số 01  
Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính  
(Có Bảng so sánh đính kèm)

2. Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật  
ngữ viết tắt, trình tự các quy định, một số dẫn chiếu trong Điều lệ đến để đảm  
bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay  
đổi nội dung các Điều, khoản, điểm so với Điều lệ trước thay đổi.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Dự thảo Điều lệ sửa đổi và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức ký, ban hành Điều lệ sửa đổi.

Trân trọng kính trình./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**TRẦN THỌ THẮNG**

**Phụ lục đính kèm Tờ trình số 02/TTr-HĐQT-2021 ngày 06/6/2021  
về việc Sửa đổi, bổ sung điều lệ Tập đoàn**

**BẢNG SO SÁNH MỘT SỐ NỘI DUNG SỬA ĐỔI TẠI ĐIỀU LỆ**

**Hướng dẫn đọc:**

- Các nội dung không nêu chi tiết trong bảng dưới đây là không thay đổi hoặc chỉ điều chỉnh về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt, bổ sung nội dung làm rõ nghĩa và một số dẫn chiếu quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Điều lệ nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, khoản so với Điều lệ hiện hành.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “**Theo Điều lệ hiện hành**” là các dòng chữ thể hiện dưới dạng *in nghiêng*.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “**Nội dung đề xuất sửa đổi**” là phần *in nghiêng, bôi đậm*.

**Cơ sở pháp lý đề xuất sửa đổi:**

- Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

**Cách viết tắt tương ứng:**

- Luật Chứng khoán 2019;
- Luật Doanh nghiệp 2020;
- Nghị định số 155;
- Thông tư số 116.

<b>STT</b>	<b>Theo điều lệ hiện hành</b>	<b>Nội dung đề xuất sửa đổi</b>	<b>Lý do đề xuất sửa đổi</b>
1	<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> Điều lệ này được Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang thông qua theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông tổ chức vào ngày 24 tháng 03 năm 2018, trên cơ sở chỉnh sửa bổ sung	<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang thông qua theo Nghị quyết số <b>01/2021/NQ-ĐHĐCĐ</b> ngày <b>06 tháng 6 năm 2021</b> .	Cập nhật

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	theo nội dung Thông tư số 95/2017/TT – BTC ngày 22 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài Chính và được cập nhật sửa đổi vào ngày 12 tháng 4 năm 2021 cho phù hợp với thực tế và các quy định hiện hành của pháp luật nhà nước Việt Nam.		
2	<p><b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.</p> <p>c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010.</p> <p>d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.</p>	<p><b>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. "Luật Doanh nghiệp" là <b><i>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020.</i></b></p> <p>d. "Luật chứng khoán" là <b><i>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.</i></b></p> <p>e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (<b><i>Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương</i></b>) lần đầu.</p> <p><b><i>h. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.</i></b></p> <p><b><i>i. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách</i></b></p>	<p>Sửa để thống nhất định nghĩa với Luật DN 2020</p> <p>Khoản 33 Điều 4. Giải thích từ ngữ - Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Bổ sung theo khoản 3, khoản 4 Điều 4. Giải thích từ ngữ - Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
		<p><i>cổ đông sáng lập công ty cổ phần;</i></p> <p><i>m. “Sổ giao dịch chứng khoán” là Sổ giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.</i></p>	Khoản 33 Điều 3. Giải thích từ ngữ - Nghị định 155
3	<p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được <i>cấp</i> chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</p>	<p><b>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</b></p> <p>4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cấp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được <i>cấp lại</i> chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. <b><i>Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: (1) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; (2) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</i></b></p>	Khoản 3 Điều 121. Cổ phiếu – Luật Doanh nghiệp 2020.
4	<p><b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn <i>phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan</i> cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (<i>không quá 19% một năm</i>) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày</p>	<p><b>Điều 10. Thu hồi cổ phần</b></p> <p>5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải <b><i>chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh</i></b> cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (<i>theo lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại</i></p>	Diễn giải và đề xuất mức lãi suất phù hợp với từng thời điểm.

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	<i>thương Việt Nam)</i> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi	
5	<p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:</p> <p>...</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p>	<p><b>Điều 12. Quyền của cổ đông</b></p> <p>2. <i>Cổ đông</i> phổ thông có các quyền sau:</p> <p>...</p> <p>i. <i>Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</i></p> <p>j. <i>Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</i></p> <p>k.. <i>Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;</i></p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:</p> <p>....</p>	<p>Bổ sung quyền hạn cho cổ đông phổ thông: khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 và theo Khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 116 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155</p> <p>Luật Doanh nghiệp 2020 không còn quy định nội dung nắm giữ từ 06 tháng trở lên</p>



STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
		<p><i>c. Xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;</i></p> <p><i>f. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;</i></p>	<p>Bổ sung theo Điểm c khoản 2 Điều 115. Quyền của cổ đông phổ thông – Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Khoản 2 Điều 142. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông – Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
6	<b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b>	<p><b>Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông</b></p> <p><b>5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác</b></p>	<p>Bổ sung theo Khoản 5 Điều 119. Nghĩa vụ của cổ đông - Luật Doanh nghiệp 2020</p>
7	<p><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một</p>	<p><b>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông <b>gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết</b>, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và</p>	<p>Khoản 1, khoản 2 Điều 139. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông – Luật</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>(01) lần.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không thể tổ chức trong thời hạn trên, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xin Cơ quan đăng ký doanh nghiệp gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>2.Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan</p> <p>3.Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p><i>trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam</i></p> <p>2.Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, <i>ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.</i></p> <p>3.Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p>	<p>Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>b. Báo cáo tài chính quý, 06 (sáu) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa 1/2 (một phần hai) so với đầu kỳ;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điều khoản trên thì trong thời hạn ba mươi ngày (30) tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điều khoản trên thì có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Lược bỏ do Luật Doanh nghiệp 2020 đã bãi bỏ quy định này.</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.</p> <p>c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b thì trong thời hạn ba mươi ngày (30) tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điều khoản trên thì có quyền <b>yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</b></p> <p><b>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp</b></p>	
8	<p><b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;</p> <p>b. Báo cáo của Ban kiểm soát;</p>	<p><b>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm</p>	<p>Cơ cấu lại khoản 1 Điều này theo khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về quyền và nghĩa vụ của Đại hội</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các</p>	<p><i>thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</i></p> <p><i>e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</i></p> <p><i>f. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</i></p> <p><i>g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</i></p> <p><i>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</i></p> <p><i>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</i></p> <p><i>j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</i></p> <p><i>l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</i></p> <p><i>m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</i></p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông <b>thảo thuận</b> và thông qua các vấn đề</p>	<p>đồng cổ đông.</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	vấn đề sau:	<p>sau:</p> <p><i>a.Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</i></p> <p><i>b.Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</i></p> <p><i>c.Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</i></p> <p><i>d.Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc.</i></p> <p><i>e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.</i></p> <p><i>r.Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày</i></p>	<p>Chuyển từ khoản 1 Điều lệ hiện hành</p> <p>Điểm c khoản 3 Điều 139. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông - Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 284 Nghị định số 155</p> <p>Điểm d khoản 3 Điều 139. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông - Luật Doanh nghiệp và Điều 290. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên - Nghị định 155.</p> <p>Điểm đ khoản 3 Điều 139. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông - Luật Doanh nghiệp 2020.</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
		<p><b>31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</b></p> <p>Cụ thể: <u>Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:</u></p> <p>a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;  Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;</p> <p>b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;</li> <li>- Cổ đông, người đại diện ủy</li> </ul>	

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
		<p>quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;</p> <p>- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.</p> <p><i>s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát ;</i></p>	<p>Điểm 1 khoản 2 Điều 138. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông - Luật Doanh nghiệp 2020</p>
9	<p><b>Điều 16. Các đại diện được ủy quyền</b></p> <p>1. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá</p>	<p><b>Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. <i>Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu</i></p>	<p>Sửa đổi theo khoản 1, 2 Điều 144. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông – Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p><i>nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;</i></p> <p><i>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người uỷ quyền của thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được uỷ quyền dự họp;</i></p> <p><i>c. Trong trường hợp khác thì giấy uỷ quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.</i></p> <p><i>Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền trước khi vào phòng họp.</i></p> <p>3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người uỷ quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư uỷ quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư uỷ quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	<p><i>rõ tên cổ đông uỷ quyền, tên cá nhân, tổ chức được uỷ quyền, số lượng cổ phần được uỷ quyền, nội dung uỷ quyền, phạm vi uỷ quyền, thời hạn uỷ quyền, chữ ký của bên uỷ quyền và bên được uỷ quyền.</i></p> <p>3. Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp uỷ quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản uỷ quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).</p>	
10	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các uỷ quyền đặc biệt gắn với một loại cổ phần ưu đãi</p>	<p><b>Điều 17. Thay đổi các quyền</b></p> <p>1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các uỷ quyền đặc biệt gắn với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực</p>	



STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>có hiệu lực khi được cổ đông <i>nắm giữ</i> ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. ...</p>	<p>khi được cổ đông <i>đại diện</i> từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.. <b><i>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</i></b></p>	<p>Bổ sung theo khoản 6 Điều 148. Điều kiện đề nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua – Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
11	<p><b>Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1.Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này.</p> <p>a.Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng</p>	<p><b>Điều 18. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1.Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông <b><i>thường niên và bất thường</i></b>, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này.</p> <p>a.Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. <b><i>Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ</i></b></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại khoản 1 Điều</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>cổ đông.</p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <i>chậm nhất mười (10) ngày</i> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p><i>đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</i></p> <p>3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp <i>chậm nhất hai mươi một (21) ngày</i> trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).</p>	<p>273. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông - Nghị định 155.</p> <p>Khoản 1 Điều 143. Mời họp Đại hội đồng cổ đông. – Luật Doanh nghiệp 2020</p>
12	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b> Không có quy định</p>	<p><b>Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b> Bổ sung khoản 9. <i>Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i></p> <p>Đối với các khoản khác có sửa đổi chủ yếu để làm rõ câu từ, trình bày, sắp xếp lại thứ tự</p>	<p>theo khoản 3 Điều 273. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông – Nghị định 155.</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
13	<p><b>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>....</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký</p> <p>...</p> <p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản</p> <p>6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p><b>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>....</p> <p>i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. <i>Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</i></p> <p>...</p> <p><b>Lược bỏ do Luật Doanh nghiệp 2020 không còn quy định</b></p> <p><b>5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan</b></p>	<p>Điểm i khoản 1 Điều 150 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông – Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Bổ sung phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
		<i>kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</i>	dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
14	<p><b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>.... 2.....Trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p><b>Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p>2.....<i>Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này</i></p>	Bổ sung theo quy định tại khoản 3 Điều 152. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông – Luật Doanh nghiệp 2020.
15	<p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1..... Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: <i>Không có quy định</i></p>	<p><b>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1..... Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: <i>h. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng</i></p>	Bổ sung theo quy định tại Khoản 1 Điều 274. Ứng cử,

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>2.Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên....</p>	<p><i>quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có)</i></p> <p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên....</p> <p><b>4.Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp</b></p>	<p>đề cử thành viên Hội đồng quản trị - Nghị định 155</p> <p>Lược bỏ quy định nắm giữ liên tục 6 tháng do Luật Doanh nghiệp 2020 đã bãi bỏ quy định này.</p> <p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 275. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị - Nghị định 155.</p>
16	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p>1.Hội đồng quản trị Công ty có từ bảy (07) đến mười một (11) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>2.Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng</p>	<p><b>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p><i>1.....Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc</i></p> <p><b>2.Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính</b></p>	<p>Bổ sung theo quy định tại Điều 154. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị - Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Khoản 3 Điều 276. Thành phần Hội đồng quản trị - Nghị định 155.</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị tuân theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp 2014 và các quy định có liên quan</p>	<p><b><i>độc lập của Hội đồng quản trị</i></b></p> <p><b><i>3. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</i></b></p> <p><b><i>a. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 07 đến 08 thành viên;</i></b></p> <p><b><i>b. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</i></b></p> <p><b><i>5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</i></b></p> <p><b><i>a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);</i></b></p> <p><b><i>b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;</i></b></p> <p><b><i>c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</i></b></p> <p><b><i>9. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ</i></b></p>	<p>Khoản 4 Điều 276 Thành phần Hội đồng quản trị - Nghị định 155.</p> <p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 160. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Bổ sung theo Điều 277. Quyền và nghĩa vụ của thành</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
		<p><i>này, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.</i></p> <p><b>10. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:</b></p> <p><i>a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;</i></p> <p><i>b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;</i></p> <p><i>c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;</i></p> <p><i>d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;</i></p> <p><i>e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.</i></p> <p><b>11. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.</b></p>	<p>viên Hội đồng quản trị - Nghị định 155.</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
17	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. <i>Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:</i></p> <p>4. <i>Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.</i></p>	<p><b>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p>2. <i>Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty, các quy chế quản trị nội bộ hoặc Đại hội đồng cổ đông quy định và các quyền hạn và nghĩa vụ sau:</i></p> <p>..</p> <p><i>q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty</i></p> <p>4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Bổ sung theo khoản 4 Điều 278. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị - Nghị định 155.</p> <p>Khoản 9 Điều 278. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị - Nghị định 155.</p>
18	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được</p>	<p><b>Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị</b></p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản</p>	



STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền <b><i>hoặc thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</i></b> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại <b><i>tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</i></b></p> <p>- Quy định tại khoản 4 Điều 156. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Luật Doanh nghiệp 2020: “4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến</p>	

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
19	<p><b>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>...</p> <p>5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty</p>	<p>khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.”</p> <p><b>Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p>Lược bỏ quy định này do Luật Doanh nghiệp 2020 không còn quy định.</p> <p>7.Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>13.Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>16.Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại</p>	<p>Khoản 9 Điều 170. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát – Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Khoản 11 Điều 157. Cuộc họp Hội đồng quản trị - Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Khoản 2 Điều 158. Biên bản họp Hội đồng quản trị – Luật Doanh nghiệp 2020; Khoản 2 Điều 279. Cuộc họp Hội đồng quản trị - Nghị</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
		<p>biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>17.Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>định 155</p> <p>Khoản 3 Điều 158. Biên bản họp Hội đồng quản trị - Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
20	<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty</b></p> <p>1.Hội đồng quản trị <i>chỉ định</i> ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty <i>được tiến hành một cách có hiệu quả</i>. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.</p> <p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các</p>	<p><b>Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty</b></p> <p>1.Hội đồng quản trị <b><i>phải bổ nhiệm</i></b> ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. <b><i>Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.</i></b></p> <p>2.<b><i>Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</i></b></p> <p><b><i>Lược bỏ do không còn quy định này.</i></b></p>	<p>Bổ sung theo khoản 1 Điều 281. Người phụ trách quản trị công ty – Nghị định 155</p> <p>Bổ sung theo khoản 2 Điều 281. Người phụ trách quản trị công ty – Nghị định 155</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<i>quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm</i>		
21	<b>Chương 9: BAN KIỂM SOÁT</b> Thay đổi toàn bộ “ <i>Kiểm soát viên</i> ” thành “ <i>Thành viên Ban Kiểm soát</i> ”.		
22	<p><b>Điều 37. Kiểm soát viên</b></p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên</p> <p>4. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.</p>	<p><b>Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát</b></p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban kiểm soát</p> <p><i>b.Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp</i></p> <p>4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.</p> <p>Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	<p>Điều b khoản 1 Điều 169. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên - Luật Doanh nghiệp 2020</p> <p>Khoản 2 Điều 168. Ban Kiểm soát – Luật Doanh nghiệp 2020; khoản 3 Điều 286 Thành viên Ban kiểm soát – Nghị định 155</p> <p>Khoản 2 Điều 168. Ban Kiểm soát – Luật Doanh nghiệp 2020; khoản 3 Điều 286 Thành viên Ban kiểm soát – Nghị định 155</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
		<p><b>5. Thành viên Ban kiểm soát tuân thủ quy định về trách nhiệm của mình theo Điều 173 Luật Doanh nghiệp.</b></p>	<p>Điều 173. Trách nhiệm của Kiểm soát viên – Luật Doanh nghiệp; Điều 287. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát – Nghị định 155</p>
23	<p><b>Điều 38. Ban Kiểm soát</b></p> <p>1. Ban Kiểm soát có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;</p>	<p><b>Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát</b></p> <p><b>1. Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này và các quyền và nghĩa vụ sau:</b></p> <p>a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông <b>phê duyệt danh sách</b> tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; <b>quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</b></p> <p>...</p> <p><b>e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</b></p> <p><b>f. Báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</b></p> <p><b>g. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài</b></p>	<p>Điều 288. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát – Nghị định 155</p> <p>Điều 171.</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.</p>	<p><i>liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc</i></p> <p><i>h. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty</i></p> <p><i>3. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</i></p> <p><i>4. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các</i></p>	<p>Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát – Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Điều 289. Cuộc họp của Ban kiểm soát – Luật Doanh nghiệp 2020</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Kiểm soát viên được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p><i>vấn đề cần được làm rõ.</i>  <b>5.... Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty</b></p>	<p>Điều 172. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên - Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
24	<p><b>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>  <b>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</b>   <b>3. Thành viên Hội đồng quản</b></p>	<p><b>Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</b>  <b>2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</b>   <b>3. Thành viên Hội đồng quản trị,</b></p>	<p>Điều chỉnh câu từ không làm thay đổi nội dung.</p> <p>Cụ thể hóa quy</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p><i>trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</i></p>	<p>Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo <b>bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin</b></p> <p><b>4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp</b></p>	<p>định cũ dựa theo quy định tại khoản 3 Điều 291. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp – Nghị định 155.</p> <p>Khoản 4 Điều 291. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp – Nghị định 155</p>
25	<p><b>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 2 Điều 25 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ</p>	<p><b>Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ</b></p> <p>1. <b>Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:</b></p> <p><b>a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội</b></p>	<p>Cơ cấu lại quy định tại khoản 1 và bổ sung quyền của cổ đông phổ thông đối với việc tra cứu sổ sách và hồ sơ – điểm đ, e khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp</p>



STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>đồng và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</p>	<p><b><i>đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;</i></b></p> <p><b><i>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.</i></b></p> <p><b><i>2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.</i></b></p>	<p>Quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ - điểm a khoản 2 Điều 115 –Luật Doanh nghiệp 2020.</p>
26	<p><b>Điều 48. Báo cáo hàng năm, bán niên và quý</b></p> <p>1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 50 Điều lệ này, và trong thời hạn theo quy định của pháp luật kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban</p>	<p><b><i>Điều 48. Báo cáo hàng năm, bán niên và quý</i></b></p> <p><b><i>1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</i></b></p>	<p>Sửa đổi câu từ không làm khác đi so với nội dung cũ;</p>

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết) và cơ quan đăng ký kinh doanh.</p> <p>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, , báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.</p> <p>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Công ty và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp</p>	<p><b>2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.</b></p> <p><b>3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</b></p> <p><b>Lược bỏ khoản 5 do đã bao gồm trong quyền của cổ đông về tiếp cận tra cứu thông tin.</b></p>	
27	<p><b>Điều 51. Con dấu</b></p> <p>1. Hội đồng quản trị sẽ quyết</p>	<p><b>Điều 51. Dấu của công ty</b></p> <p><b>1. Dấu bao gồm dấu được làm</b></p>	Sửa đổi theo

STT	Theo Điều lệ hiện hành	Nội dung đề nghị sửa đổi	Lý do đề xuất sửa đổi
	<p>định về số lượng, hình thức và nội dung con dấu của công ty. Công ty có trách nhiệm thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh và con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.</p> <p>2.Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p><i>tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</i></p> <p><i>2.Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty , chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị phụ thuộc khác của công ty.</i></p> <p><i>3.Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý, sử dụng và lưu giữ dấu công ty. Dấu chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của công ty được quản lý và lưu giữ theo quy chế do Công ty ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.</i></p>	<p>Điều 43. Dấu của doanh nghiệp – Luật Doanh nghiệp 2020.</p> <p>Quy định về đăng ký mẫu dấu tại cơ quan đăng ký kinh doanh đã được bãi bỏ theo Luật Doanh nghiệp 2020</p>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG**

**DỰ THẢO**

**ĐIỀU LỆ**

**TỔ CHỨC & HOẠT ĐỘNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN  
ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG**

**(Mã chứng khoán: CKG)**

*(Sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông  
tại cuộc họp thường niên 2021)*

**NGÀY 06 THÁNG 6 NĂM 2021**



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU .....	1
Chương 1 ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ .....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
Chương 2 TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY .....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty .....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty: .....	3
Chương 3 MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....	4
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty .....	4
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	9
Chương 4 VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....	9
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	11
Chương 5 CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT .....	11
Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát .....	11
Chương 6 CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	12
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	12
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	14
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông .....	15
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông .....	16
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	18
Điều 17. Thay đổi các quyền .....	19
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đồng.....	20
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	21
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông .....	22
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	24
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	25
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	27
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông .....	28
Chương 7 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	29
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	30
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	32
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	34
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	35
Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	37
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	40
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty .....	41
Chương 8 TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC.....	42
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý.....	42

Điều 34. Người quản lý công ty.....	42
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành.....	42
<b>Chương 9 BAN KIỂM SOÁT</b> .....	<b>44</b>
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát .....	44
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát .....	44
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	46
<b>Chương 10 NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC</b> .....	<b>47</b>
Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng .....	47
Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	48
Điều 41. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	49
<b>Chương 11 QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY</b> .....	<b>50</b>
Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	50
<b>Chương 12 CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN</b> .....	<b>50</b>
Điều 43. Công nhân viên và công đoàn .....	50
<b>Chương 13 PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN</b> .....	<b>51</b>
Điều 44. Phân phối lợi nhuận.....	51
<b>Chương 14 TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN</b> .....	<b>51</b>
Điều 45. Tài khoản ngân hàng .....	51
Điều 46. Năm tài chính .....	52
Điều 47. Chế độ kế toán.....	52
<b>Chương 15 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG</b> .....	<b>52</b>
Điều 48. Báo cáo hàng năm, bán niên và quý.....	52
Điều 49. Báo cáo thường niên .....	53
<b>Chương 16 KIỂM TOÁN CÔNG TY</b> .....	<b>53</b>
Điều 50. Kiểm toán .....	53
<b>Chương 17 DẤU CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>53</b>
Điều 51. Dấu của công ty.....	53
<b>Chương 18 CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ</b> .....	<b>54</b>
Điều 52. Chấm dứt hoạt động .....	54
Điều 53. Gia hạn hoạt động .....	54
Điều 54. Thanh lý.....	54
<b>Chương 19 GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ</b> .....	<b>55</b>
Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ .....	55
<b>Chương 20 BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ</b> .....	<b>55</b>
Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ .....	55
<b>Chương 21 NGÀY HIỆU LỰC</b> .....	<b>56</b>
Điều 57. Ngày hiệu lực .....	56
<b>Phụ lục 01</b> .....	<b>57</b>
<b>DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁCH LẬP VÀ SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU TÍNH TỚI NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2021</b> .....	<b>57</b>

## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang thông qua theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 06 tháng 6 năm 2021.

### Chương 1

## ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành, các cổ đông đã thanh toán đủ và quy định tại Điều 6 của Điều lệ này.

b. "Vốn có quyền biểu quyết" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông<sup>1</sup>;

c. "Luật Doanh nghiệp" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày ngày 17 tháng 6 năm 2020.

d. "Luật chứng khoán" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.

e. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu.

f. "Người quản lý doanh nghiệp" là người quản lý công ty bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn, bổ nhiệm theo quy định tại điều lệ này.

g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

h. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần<sup>2</sup>.

i. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần.

j. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán.

k. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng Nghị quyết.

<sup>1</sup> Khoản 33 Điều 4. Giải thích từ ngữ - Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>2</sup> Khoản 3 Điều 4. Giải thích từ ngữ - Luật Doanh nghiệp 2020.



1. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- m. "Sở giao dịch chứng khoán" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con<sup>3</sup>.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;
4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

## **Chương 2**

### **TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt:

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.**

- Tên tiếng Anh:

**Kien Giang Construction Investment Consultancy Group.**

- Tên tiếng Anh viết tắt: **CIC Group.**

- Tên giao dịch:

**Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.**

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: **34 Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.**

- Điện thoại : 02973 874 660;
- Fax : 02973 866 541;
- E-mail : tvkg@cicgroups.com;
- Website : www.cicgroups.com.

---

<sup>3</sup> Khoản 33 Điều 3. Giải thích từ ngữ - Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (Sau đây gọi tắt là Nghị định 155)

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 52 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 53 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là 50 năm được tính từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:**

1. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

2. Người đại diện theo pháp luật của công ty là cá nhân đại diện cho công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

6. Trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án có thẩm quyền có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

**Chương 3**

**MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty**

1. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành, nghề kinh doanh	Mã ngành, nghề kinh doanh
1	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (Không kinh doanh tại trụ sở)	4661
2	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng trong nhà. Lắp đặt hệ thống phòng cháy, chữa cháy các công trình xây dựng; Lắp đặt hệ thống điện năng lượng mặt trời và đèn chiếu sáng.	4321
3	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
4	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
5	Cho thuê xe có động cơ	7710
6	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình, kiến trúc quy hoạch, kiến trúc cảnh quan và trang trí. Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp; Thiết kế công trình cầu, đường, thủy lợi; Thiết kế công trình kết cấu thép; Thiết kế công trình hạ tầng kỹ thuật; Thiết kế công trình đường dây điện trung, hạ thế; Thiết kế hệ thống phòng cháy chữa cháy. Thiết kế điện công trình; Thiết kế hệ thống an ninh bảo vệ; Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc; Giám sát thi công xây dựng công trình cầu, đường, công trình giao thông, công trình dân dụng và công nghiệp; Dịch vụ khảo sát và vẽ bản đồ; Khảo sát địa chất, địa hình công trình; Định giá xây dựng; Thẩm tra hồ sơ thiết kế; Lập dự án đầu tư; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường; Đấu thầu công trình; Quản lý, điều hành dự án. Đo đạc và lập phương án đền bù, giải tỏa.	7110 (Chính)
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước, gỗ, kim khí.	4663

8	Thoát nước và xử lý nước thải Chi tiết: Xử lý nước thải.	3700
9	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
10	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
11	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
12	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
13	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
14	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng, làm đường giao thông nội bộ trong mặt bằng xây dựng.	4312
15	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Đại lý bán vé máy bay. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải chưa được phân vào đâu.	5229
16	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận chuyển du lịch.	4932
17	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.	5610
18	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ, biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự.	5510
19	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Quản lý, điều hành sàn giao dịch bất động sản (dịch vụ giao dịch mua bán, chuyển nhượng, cho thuê, thuê mua bất động sản, môi giới, định giá, tư vấn, quảng cáo, đấu giá, quản lý bất động sản). Dịch vụ hồ sơ nhà đất.	6820
20	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội, ngoại thất.	7410
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

	Chi tiết: Kinh doanh bất động sản. Đầu tư, kinh doanh, khai thác và quản lý chợ. Hoạt động quản lý nhà, chung cư (dịch vụ quản lý, vận hành nhà chung cư)	
22	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
23	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
24	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật Chi tiết: Kiểm định công trình xây dựng, kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu. Thẩm tra hồ sơ thiết kế. Thẩm tra quyết toán.	7120
25	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, bơm nước và hệ thống điều hòa không khí.	4322
26	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo, sự kiện.	8230
27	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
28	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
29	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
30	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
31	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
32	Thu gom rác thải không độc hại	3811
33	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
34	Hoạt động của các bệnh viện, trạm y tế	8610
35	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620
36	Giáo dục nhà trẻ	8511
37	Giáo dục mẫu giáo	8512
38	Giáo dục tiểu học	8521

39	Giáo dục trung học cơ sở	8522
40	Giáo dục trung học phổ thông	8523
41	Đào tạo sơ cấp	8531
42	Đào tạo trung cấp	8532
43	Đào tạo cao đẳng	8533
44	Đào tạo đại học	8541
45	Đào tạo thạc sỹ	8542
46	Đào tạo tiến sỹ	8543
47	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
48	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
49	<p>Giáo dục khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết: Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; Các dịch vụ dạy kèm (gia sư); Giáo dục dự bị; Các trung tâm dạy học có các khoá học dành cho học sinh yếu kém; Các khoá dạy về phê bình đánh giá chuyên môn; Dạy ngoại ngữ và dạy kỹ năng đàm thoại; Dạy đọc nhanh; Dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể. Dạy lái xe cho những người không hành nghề lái xe; Đào tạo tự vệ; Đào tạo về sự sống; Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng; Dạy máy tính.</p>	8559
50	<p>Dịch vụ hỗ trợ giáo dục</p> <p>Chi tiết: Tư vấn giáo dục, Dịch vụ đưa ra ý kiến hướng dẫn về giáo dục, Dịch vụ đánh giá việc kiểm tra giáo dục, Dịch vụ kiểm tra giáo dục, Tổ chức các chương trình trao đổi sinh viên.</p>	8560
51	Xây dựng nhà để ở	4101
52	Xây dựng nhà không để ở	4102
53	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
54	Xây dựng công trình điện	4221
55	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
56	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
57	Xây dựng công trình công ích khác	4229

58	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Đường thủy, cảng và các công trình trên sông, cảng du lịch (bến tàu), cửa cống... Đập và đê. Hoạt động nạo vét đường thủy.	4291
59	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
60	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
61	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
62	Hoạt động dịch vụ phục vụ tang lễ Chi tiết: Dịch vụ địa táng, hỏa táng, điện táng, các dịch vụ có liên quan khác. Bảo quản thi hài, khám liệm và các dịch vụ chuẩn bị cho địa táng, hỏa táng, điện táng. Dịch vụ nhà tang lễ. Trông coi nghĩa trang. Bán đất xây mộ hoặc cho thuê đất đào mộ	9632
63	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét Chi tiết: Sản xuất gạch ngói	2392
64	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Kinh doanh, khai thác, quản lý cảng biển, hoạt động của cảng biển, cảng sông, cảng du lịch, bến phao, bến tàu, cầu tàu	5222
65	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
66	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
67	- Dịch vụ soạn thảo văn bản, viết báo cáo. (Doanh nghiệp chỉ được hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).	
68	Sản xuất điện Chi tiết: sản xuất điện từ năng lượng mặt trời	3511
69	Truyền tải và phân phối điện Chi tiết: kinh doanh điện	3512
70	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Buôn bán thiết bị điện năng lượng mặt trời	4659

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Kinh doanh có hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh của doanh nghiệp; huy động vốn của các cá nhân, tổ chức kinh tế để đầu tư mới công nghệ, phát triển doanh nghiệp;

phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của các cổ đông; đảm bảo hài hòa lợi ích của Nhà nước, doanh nghiệp, nhà đầu tư và người lao động.

### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động**

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành, nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các ngành, nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **Chương 4**

### **VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ: 824.997.810.000 đồng (*bằng chữ: tám trăm hai mươi bốn tỷ, chín trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm mười ngàn đồng*). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 82.499.781 cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng (*bằng chữ: mười ngàn đồng*).

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần được quy định tại Điều 12 của Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại Phụ lục 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Công ty mua lại có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.



8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng chỉ cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây: (1) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; (2) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.<sup>4</sup>

### **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

### **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

---

<sup>4</sup> Khoản 3 Điều 121. Cổ phiếu – Luật Doanh nghiệp 2020.

**Điều 10. Thu hồi cổ phần**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (theo lãi suất huy động kỳ hạn 12 tháng của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)<sup>5</sup> vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

**Chương 5****CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT****Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát;
- d. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- e. Tổng giám đốc điều hành.

---

<sup>5</sup> Điều chỉnh câu từ và lãi suất

**Chương 6****CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG****Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật, quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết.

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

e. Xem xét, tra cứu, trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia, biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác của mình;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi khác theo quy định của pháp luật

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này<sup>6</sup>;

1. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:<sup>7</sup>

a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b. Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tại các Khoản 2 Điều 25 và Điều 36 Điều lệ này;<sup>8</sup>

c. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;<sup>9</sup>

d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.

e. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

f. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp<sup>10</sup>;

g. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

<sup>6</sup> Bổ sung quyền hạn cho cổ đông phổ thông: khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán 2019 và theo Khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020

<sup>7</sup> Luật Doanh nghiệp 2020 không còn quy định nội dung nắm giữ từ 06 tháng trở lên

<sup>8</sup> Thay đổi thứ tự đề mục

<sup>9</sup> Điểm c khoản 2 Điều 115. Quyền của cổ đông phổ thông – Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>10</sup> Khoản 2 Điều 142. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông – Luật Doanh nghiệp 2020.

- b. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện hoặc phương tiện khác.

### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế quản lý nội bộ của Công ty; chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị là đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;  
Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác<sup>11</sup>
6. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

---

<sup>11</sup> Khoản 5 Điều 119. Nghĩa vụ của cổ đông - Luật Doanh nghiệp 2020

**Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị có thể quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam<sup>12</sup>.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty để giải thích các nội dung liên quan.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

,<sup>13</sup>

b. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản trong đó mỗi bản phải có chữ ký tối thiểu của một cổ đông có liên quan;

d. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.

<sup>12</sup> Khoản 1, khoản 2 Điều 139. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông – Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>13</sup> Luật Doanh nghiệp 2020 đã bãi bỏ quy định này

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày (30) kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi ngày (30) tiếp theo, Ban Kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b thì trong thời hạn ba mươi ngày (30) tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điều khoản trên thì có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

### **Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:<sup>14</sup>

- a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

<sup>14</sup> Cơ cấu lại khoản 1 Điều này theo khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp 2020 quy định về quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;

m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b. Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán;

c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; báo cáo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị;<sup>15</sup>

d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc;<sup>16</sup>

e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;<sup>17</sup>

f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;

g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

h. Lựa chọn công ty kiểm toán;

i. Bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

j. Tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;

k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;

m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

o. <sup>18</sup>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

<sup>15</sup> Điểm c khoản 3 Điều 139. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông - Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 284 Nghị định số 155

<sup>16</sup> Điểm d khoản 3 Điều 139. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông - Luật Doanh nghiệp và Điều 290. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên – Nghị định 155.

<sup>17</sup> Điểm đ khoản 3 Điều 139. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông - Luật Doanh nghiệp 2020.



- p. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
  - q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán<sup>19</sup>;
  - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát<sup>20</sup>;
  - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật;
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Các hợp đồng quy định tại Khoản 2 điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
  - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự

<sup>18</sup> Chuyển lên khoản 1 Điều này

<sup>19</sup> Công ty đại chúng chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận: a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này; Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác mà công ty đại chúng và tổ chức đó là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ công ty;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa công ty đại chúng với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

<sup>20</sup> Điểm 1 khoản 2 Điều 138. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông - Luật Doanh nghiệp 2020

hợp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).<sup>21</sup>

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các ủy quyền đặc biệt gắn với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua.. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.<sup>22</sup>

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng 30 ngày sau đó và người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có

<sup>21</sup> Khoản 1, 2 Điều 144. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông – Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>22</sup> Khoản 6 Điều 148. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua – Luật Doanh nghiệp 2020

mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và Điều 21 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường, hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn năm (05) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng<sup>23</sup>;

b. Lập chương trình và nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;<sup>24</sup>

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21)<sup>25</sup> ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình

<sup>23</sup> Khoản 1 Điều 273. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông - Nghị định 155

<sup>24</sup> Lược bỏ do trùng với quy định tại khoản 3 Điều này

<sup>25</sup> Khoản 1 Điều 143. Mời họp Đại hội đồng cổ đông. – Luật Doanh nghiệp 2020

họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. <sup>26</sup>Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng từng loại cổ phần cổ đông và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này<sup>27</sup>;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại

<sup>26</sup> Quy định tại khoản 2 Điều 144 Luật Doanh nghiệp 2020: văn bản ủy quyền không nhất thiết phải theo mẫu của Công ty, mà có thể được lập theo pháp luật dân sự.

<sup>27</sup> Luật Doanh nghiệp 2020 đã bỏ quy định này.

hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số số cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần thứ hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

### **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.<sup>28</sup> Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

b. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

---

<sup>28</sup> Quy định tại khoản 5 Điều này.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người tham dự hoặc đề:

a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp.

c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây

a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình

thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông<sup>29</sup>;

9. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.<sup>30</sup>

10. <sup>31</sup>Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia đại hội ở Địa điểm chính của cuộc họp theo thông báo triệu tập.

11. Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
- b. Định hướng phát triển công ty;
- c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn do Điều lệ công ty quy định;
- f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g. Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua khi có từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 5 Điều này, khoản 1 Điều 17 và khoản 9 Điều 22 Điều lệ này<sup>32</sup>:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

<sup>29</sup> Điểm b khoản 7 Điều 146. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

<sup>30</sup> Khoản 3 Điều 273. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông – Nghị định 155

<sup>31</sup> Nội dung này được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông – Điều lệ này (Xác định địa điểm cuộc họp)

<sup>32</sup> Bao gồm nội dung về bầu thành viên HĐQT, BKS; thay đổi quyền đối với cổ đông nắm giữ cổ phiếu ưu đãi và biểu quyết thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể công ty.

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều này và khoản 1 Điều 17.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;



c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị ;

4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị

tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.<sup>33</sup>

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

5. <sup>34</sup>Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.<sup>35</sup>

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 21 Điều lệ này;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều này, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.<sup>36</sup>Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

<sup>33</sup> Điểm i khoản 1 Điều 150 Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông – Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>34</sup> Luật Doanh nghiệp 2020 không còn quy định nội dung này.

<sup>35</sup> Khoản 3 Điều 10 Thông tư 96/2020/TT-BTC hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

<sup>36</sup>Khoản 3 Điều 152. Hiệu lực của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông – Luật Doanh nghiệp 2020.

## Chương 7 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- f. <sup>37</sup>Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);
- g. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- h. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).<sup>38</sup>
- i. Các thông tin khác (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Điều lệ này và Quy

<sup>37</sup> Điều 274. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị - Nghị định 155 không còn quy định .

<sup>38</sup> Khoản 1 Điều 274. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị - Nghị định 155.

chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp<sup>39</sup>

### **Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị Công ty có từ bảy (07) đến mười một (11) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc<sup>40</sup>

2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.<sup>41</sup> Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị..

3. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:<sup>42</sup>

a. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 07 đến 08 thành viên;

b. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Có đơn từ chức;

c. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị.

<sup>39</sup>Khoản 1 Điều 275. Tư cách thành viên Hội đồng quản trị - Nghị định 155.

<sup>40</sup> Điều 154. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị - Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>41</sup> Khoản 3 Điều 276. Thành phần Hội đồng quản trị - Nghị định 155.

<sup>42</sup> Khoản 4 Điều 276 Thành phần Hội đồng quản trị - Nghị định 155.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:<sup>43</sup>

a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (1/3);

b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị đó trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán..

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ này, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.<sup>44</sup>

10. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;

b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

<sup>43</sup> Khoản 4 Điều 160. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị - Luật Doanh nghiệp 2020.

<sup>44</sup> Bổ sung theo Điều 277. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị - Nghị định 155.

d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.

11. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

### **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý, giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền hạn, trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ công ty, các quy chế quản trị nội bộ hoặc Đại hội đồng cổ đông quy định và các quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm, ngân sách hàng năm của công ty;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc điều hành và người quản lý quan trọng khác; quyết định, tiền lương và quyền lợi khác của người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

d. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;

e. Giám sát, chỉ đạo Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý doanh nghiệp trong công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

f. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

k. Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;

o. Đề xuất mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty.

q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của các ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty.<sup>45</sup>

r. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;

b. Thành lập các công ty con của Công ty và cử đại diện phần vốn góp;

c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty.

f. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn hoặc bằng 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo

<sup>45</sup> Khoản 4 Điều 278. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị - Nghị định 155.



tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

g. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp;

h. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

i. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

j. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

k. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

l. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

m. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. . Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.<sup>46</sup>

5. Trừ khi pháp luật có quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người quản lý khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

### **Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên<sup>47</sup>

<sup>46</sup> Khoản 9 Điều 278. Trách nhiệm và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị- Nghị định 155.

<sup>47</sup> Điểm a Khoản 2 Điều 163. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc – Luật Doanh nghiệp 2020.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.<sup>48</sup>

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành, hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
- f. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
- g. Kiến nghị số lượng và người quản lý khác mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương, lợi ích khác đối với người quản lý doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
- h. Tuyển dụng lao động và ký hợp đồng lao động.

<sup>48</sup> Khoản 3 Điều 163. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc – Luật Doanh nghiệp 2020.

i. Xem xét và quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác trong công ty theo đề xuất của Tổng Giám đốc điều hành, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.

k. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở xuống được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định điểm d khoản 2 Điều 138, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.

1. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp<sup>49</sup> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

<sup>49</sup>khoản 4 Điều 156. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Luật Doanh nghiệp 2020: “4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.”

- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
- e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này.

### **Điều 30. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm (05) ngày trước ngày họp dự kiến.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:

- a. Ban Kiểm soát;
- b. Tổng giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người quản lý quản lý doanh nghiệp;
- c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- d. Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. <sup>50</sup>Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

6. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng buro điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết. <sup>51</sup>

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành biểu quyết thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được uỷ quyền).

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

<sup>50</sup> Không có quy định

<sup>51</sup> Khoản 9 Điều 170. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát – Luật Doanh nghiệp 2020.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết.

a. Trừ quy định tại Điểm b Khoản 11 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại Điểm d Khoản 11 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ tọa cuộc họp và phán quyết của chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 7 Điều 40 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.<sup>52</sup>

14. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết/quyết định trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

15. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

16. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, trong đó có họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 158 Luật Doanh nghiệp. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.<sup>53</sup>

17. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.<sup>54</sup>

18. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội

<sup>52</sup> Khoản 11 Điều 157. Cuộc họp Hội đồng quản trị - Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>53</sup> Khoản 2 Điều 158. Biên bản họp Hội đồng quản trị - Luật Doanh nghiệp 2020; Khoản 2 Điều 279. Cuộc họp Hội đồng quản trị - Nghị định 155

<sup>54</sup> Khoản 3 Điều 158. Biên bản họp Hội đồng quản trị - Luật Doanh nghiệp 2020.

đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty**

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.<sup>55</sup>

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.<sup>56</sup>

3. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau.

a. Có hiểu biết về pháp luật;

b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty

c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

4. <sup>57</sup>Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.

b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.

c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

d. Tham dự các cuộc họp.

e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

<sup>55</sup> Khoản 1 Điều 281. Người phụ trách quản trị công ty – Nghị định 155

<sup>56</sup> Khoản 2 Điều 281. Người phụ trách quản trị công ty – Nghị định 155

<sup>57</sup> Không còn quy định này



- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát.
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **Chương 8**

### **TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC**

#### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Cơ cấu quản trị Công ty gồm có Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết/quyết định Hội đồng quản trị.

#### **Điều 34. Người quản lý công ty**

1. Theo đề xuất của Tổng Giám đốc điều hành và có ý kiến chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người quản lý cần thiết với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm mẫn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng lao động với những người quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc điều hành**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc điều hành; ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc điều hành phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

2. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc điều hành không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ

chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tổng giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định các vấn đề kinh doanh hàng ngày theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

e. Lập kế hoạch đề xuất số lượng và người quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để kiến nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ Công ty và đề xuất thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người quản lý đó để Hội đồng quản trị quyết định;

f. Kiến nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

g. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm hoặc một thời hạn khác do Hội đồng quản trị quyết định vào từng thời điểm, Tổng giám đốc điều hành có trách nhiệm tham mưu Chủ tịch Hội đồng quản trị trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh và trình Chủ tịch Hội đồng quản trị. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

i. Đề xuất tuyển dụng lao động;

j. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

k. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty và sự phân công/ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

5. Tổng Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao hoặc được ủy quyền và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

7. Tổng giám đốc điều hành bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc điều hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan;

b. Có đơn từ chức và được Hội đồng quản trị chấp thuận;

c. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng Giám đốc điều hành khi có đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành mới thay thế.

## **Chương 9** **BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên Ban kiểm soát:

a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;<sup>58</sup>

c. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác;

---

<sup>58</sup> Điểm b khoản 1 Điều 169. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên - Luật Doanh nghiệp 2020

d. Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

3. <sup>59</sup>Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 2 điều này và không thuộc các trường hợp sau:

a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liên trước đó.

4. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam<sup>60</sup>. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp<sup>61</sup>. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan báo cáo Ban kiểm soát;

c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.

5. Thành viên Ban kiểm soát tuân thủ quy định về trách nhiệm của mình theo Điều 173 Luật Doanh nghiệp.<sup>62</sup>

6. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

7. Thành viên Ban Kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;<sup>63</sup>

<sup>59</sup> Quy định này đã bao gồm trong điểm b của khoản này.

<sup>60</sup> Khoản 2 Điều 168. Ban Kiểm soát – Luật Doanh nghiệp 2020; khoản 3 Điều 286 Thành viên Ban kiểm soát – Nghị định 155

<sup>61</sup> Khoản 2 Điều 168. Ban Kiểm soát – Luật Doanh nghiệp 2020; khoản 3 Điều 286 Thành viên Ban kiểm soát – Nghị định 155

<sup>62</sup> Điều 173. Trách nhiệm của Kiểm soát viên – Luật Doanh nghiệp; Điều 287. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát – Nghị định 155

<sup>63</sup> Chuyển từ điểm b khoản 6 điều này

- c. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

**Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát<sup>64</sup>**

1. Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này và các quyền và nghĩa vụ sau:

a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và cổ đông;

d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý doanh nghiệp, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

f. Báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán<sup>65</sup>;

g. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;<sup>66</sup>

h. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành

<sup>64</sup> Điều 288. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát – Nghị định 155

<sup>65</sup> Điều 288. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát – Nghị định 155.

<sup>66</sup> Điều 171. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát – Luật Doanh nghiệp 2020.

và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao

4. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát dự họp. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.<sup>67</sup>

5. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí ăn ở, đi lại và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.<sup>68</sup>

## **Chương 10**

### **NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC**

#### **Điều 39. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

<sup>67</sup> Điều 289. Cuộc họp của Ban kiểm soát – Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>68</sup> Điều 172. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên - Luật Doanh nghiệp 2020.

**Điều 40. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.<sup>69</sup>

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.<sup>70</sup>

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.<sup>71</sup>

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.<sup>72</sup>

6. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính.

7. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc Công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, người quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

<sup>69</sup> Điều chỉnh câu từ không làm thay đổi nội dung.

<sup>70</sup> Cụ thể hóa quy định cũ dựa theo quy định tại khoản 3 Điều 291. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp – Nghị định 155.

<sup>71</sup> Khoản 4 Điều 291. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý doanh nghiệp – Nghị định 155.

<sup>72</sup> Chuyển từ điểm c khoản 5 Điều lệ hiện hành.

a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị một cách trung thực và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành cùng những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;

b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên<sup>73</sup> của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;

#### **Điều 41. <sup>74</sup>Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và người quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

2. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

---

<sup>73</sup> Điểm b khoản 4 Điều 293. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này – Nghị định 155

<sup>74</sup> Chuyển thành khoản 5



**Chương 11**  
**QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

**Điều 42. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ**

1. <sup>75</sup> Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:<sup>76</sup>

a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành và người quản lý doanh nghiệp có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty sẽ phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị và biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trang thông tin điện tử của Công ty.

**Chương 12**  
**CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

**Điều 43. Công nhân viên và công đoàn**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo

<sup>75</sup> Đã quy định tại điểm c khoản 3 Điều 12 – Điều lệ này.

<sup>76</sup> Cơ cấu lại quy định tại khoản 1 và bổ sung quyền của cổ đông phổ thông đối với việc tra cứu sổ sách và hồ sơ – điểm đ, e khoản 1 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và quyền của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ - điểm a khoản 2 Điều 115 – Luật Doanh nghiệp 2020.

hiềm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý doanh nghiệp.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **Chương 13**

#### **PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

##### **Điều 44. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam/ Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **Chương 14**

#### **TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN**

##### **Điều 45. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

#### **Điều 46. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

#### **Điều 47. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **Chương 15**

#### **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN,**

#### **TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG**

#### **Điều 48. Báo cáo hàng năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.<sup>77</sup>

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.<sup>78</sup>

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.<sup>79</sup>

<sup>77</sup> Sửa đổi câu từ không làm khác đi so với nội dung cũ;

<sup>78</sup> Sửa đổi câu từ không làm khác đi so với nội dung cũ;

4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

#### **Điều 49.<sup>80</sup> Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **Chương 16 KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 50. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

### **Chương 17 DẤU CỦA CÔNG TY**

#### **Điều 51. Dấu của công ty<sup>81</sup>**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Công ty quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của công ty<sup>82</sup>, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị phụ thuộc khác của công ty.

3. Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty quản lý, sử dụng và lưu giữ dấu công ty. Dấu chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của công ty được quản lý và lưu giữ theo quy chế do Công ty ban hành. Công ty sử dụng dấu trong các giao dịch theo quy định của pháp luật.

---

<sup>79</sup> Sửa đổi câu từ không làm khác đi so với nội dung cũ;

<sup>80</sup> Đã bao gồm trong quyền của cổ đông về tiếp cận tra cứu thông tin.

<sup>81</sup> Điều 43. Dấu của doanh nghiệp – Luật Doanh nghiệp 2020

<sup>82</sup> Quy định về đăng ký mẫu dấu tại cơ quan đăng ký kinh doanh đã được bãi bỏ theo Luật Doanh nghiệp 2020

## **Chương 18**

### **CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ**

#### **Điều 52. Chấm dứt hoạt động**

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

#### **Điều 53. Gia hạn hoạt động**

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động sẽ được gia hạn thêm khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông thông qua.

#### **Điều 54. Thanh lý**

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c. Nợ thuế;

- d. Các khoản nợ khác của Công ty;
- e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

## **Chương 19**

### **GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ**

#### **Điều 55. Giải quyết tranh chấp nội bộ**

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty;
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay người quản lý khác.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng ba mươi (30) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

## **Chương 20**

### **BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ**

#### **Điều 56. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ**

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

**Chương 21**  
**NGÀY HIỆU LỰC**

**Điều 57. Ngày hiệu lực**

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 57 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

*Kiên Giang, ngày 06 tháng 6 năm 2021*

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

.....  
**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**Thành viên**

**Thành viên**

**Thành viên**

.....  
**Thành viên**

.....  
**Thành viên**

.....  
**Thành viên**

.....  
**Thành viên**

.....  
**Thành viên**

.....  
**Thành viên**

.....

.....

.....

**Phụ lục 01**  
**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁCH LẬP VÀ SỐ LƯỢNG CỔ PHẦN SỞ HỮU**  
**TÍNH TỚI NGÀY 07 THÁNG 5 NĂM 2021**

STT	Tên cổ đông sáng lập	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân hoặc địa chỉ trụ sở đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Số CMND/số hộ chiếu/số CN.ĐKDN
1	Công ty CP Đầu tư Xây dựng HUD Kiên Giang	Số 501, đường Mạc Cửu, P. Vĩnh Quang, Tp. Rạch Giá, T. Kiên Giang	Phổ thông	2.070.401	20.704,01	1700104750
2	Công ty Cổ phần TV-TM-DV Địa Ốc Hoàng Quân	286-288 Huỳnh Văn Bánh - Phường 11, Quận Phú Nhuận - Tp. HCM	Phổ thông	0	0	0302087938
3	DNTN Gia Thiên	Số 1065A, Đường Lâm Quang Ky, P. An Hoà, Tp. Rạch Giá, T. Kiên Giang	Phổ thông	0	0	560100749
4	Trần Thọ Thắng	C12 – Lô A11 Seaview, Đường 3/2, Khu phố 1, phường Vĩnh Bảo, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.	Phổ thông	6.706.912	67.069,12	370712295



DỰ THẢO

Số: 03/TTr-HĐQT-2021

Kiên Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2021

## TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị công ty

**Kính gửi:** Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần

Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.

- Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động ngày 19 tháng 6 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang đã được ĐHĐCĐ năm 2021 thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ- ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2021 của ĐHĐCĐ Công ty CP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.

Trên cơ sở rà soát Quy chế nội bộ về quản trị công ty hiện hành, để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật, Điều lệ Tổ chức và hoạt động và các yêu cầu quản trị, điều hành của Tập đoàn, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty (gọi tắt là dự thảo Quy chế sửa đổi - đính kèm theo Tờ trình này) với những nội dung cụ thể được đính kèm phụ lục.

**1. Bổ cục của Điều lệ:** giữ nguyên tổng số 12 chương, 52 Điều. Bổ sung Điều 19- Chủ tịch HĐQT; nhập Điều 31- Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban vào Điều 30- Các tiểu ban thuộc HĐQT.

### **2. Nội dung :**

- Các nội dung không được đánh dấu trong Dự thảo Quy chế sửa đổi là không thay đổi
- Các nội dung đề xuất thay đổi là các dòng chữ thể hiện dưới dạng gạch chân trong Dự thảo Quy chế sửa đổi. Chủ yếu là ở các điều số 1, 3, 4, 8, 11, 12, 13, 14, 15, 18, 20, 26, 43 và nội dung sửa đổi tuân theo quy định tương ứng tại Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020, các quy định pháp luật liên quan và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của công ty. Các nội dung thay đổi được đính kèm Tờ trình này.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Dự thảo Quy chế sửa đổi và giao Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức ký, ban hành Quy chế sửa đổi.

Trân trọng kính trình./.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**TRẦN THỌ THẮNG**

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG**

**Ghi chú :**

- Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi.
- Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục “ Quy định tại Quy chế hiện hành “là các dòng chữ thể hiện dưới dạng bôi đậm, gạch chân.
- Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục “ Nội dung đề nghị sửa đổi “ là phần in nghiêng, bôi đậm, màu đỏ.
- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động ngày **19 tháng 6 năm 2021** của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số **01/2021/NQ- ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2021** của ĐHĐCĐ Công ty CP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.

STT	Quy định tại Quy chế hiện hành	Nội dung đề nghị sửa	Lý do sửa đổi
1	(Ban hành kèm theo <u>Nghị quyết số ...../NQ/ĐHĐCĐ ngày ... tháng ... năm 2021</u> của ĐHĐCĐ CTCP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang )	(Ban hành kèm theo <i>Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 6 năm 2021</i> của ĐHĐCĐ CTCP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang )	Cập nhật thời gian sửa đổi quy chế
2	<p>- Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn.</p> <p><b>- Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.</b></p> <p><b>- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017.</b></p> <p>- Căn cứ vào Điều lệ về Tổ chức và Hoạt động Công ty CP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.</p>	<p>- Căn cứ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật hướng dẫn.</p> <p><i>- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</i></p> <p><i>- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.</i></p> <p><i>- Điều lệ về Tổ chức và Hoạt động Công ty CP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.</i></p>	Cập nhật căn cứ Pháp luật
3	<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b>	
4	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b></p> <p>Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý của Công ty. Quy chế này được xây dựng theo quy định của:</p> <p><b>1.</b> Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p><b>2.</b> Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;</p> <p><b>3.</b> Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;</p> <p><b>4.</b> Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p> <p><b>5.</b> Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn</p>	<p><b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</b></p> <p><i>1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị ( HĐQT ), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý của Công ty. Quy chế này được xây dựng theo quy định của:</i></p> <p><i>a. Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;</i></p> <p><i>b. Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;</i></p> <p><i>c. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i></p> <p><i>d. Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của</i></p>	Cập nhật căn cứ Pháp luật

	<p>một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p> <p><b>6.</b> Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.</p> <p><b><u>Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý của Công ty.</u></b></p>	<p><b>Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</b></p> <p><b>e. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.</b></p> <p><b>f. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCD ngày 19 tháng 6 năm 2021 của ĐHĐCD Công ty CP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.</b></p>	
5	Không có	<p><b>2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, tất cả các cổ đông và/ hoặc các thành viên không phải là cổ đông song có tham gia vào việc điều hành hoạt động của Công ty và những người liên quan.</b></p>	
6	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>5. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;</li> <li>- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS và các cán bộ quản lý của Công ty;</li> <li>- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;</li> <li>- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;</li> <li>- Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty.</li> </ul>	<p><b>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</b></p> <p>5. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc tại <b>Điều 40 Luật Chứng khoán</b>, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;</li> <li>- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS, các cán bộ quản lý của Công ty và <b>nâng cao trách nhiệm của HĐQT, BKS, các cán bộ quản lý của Công ty đối với Cổ đông, Công ty;</b></li> <li>- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;</li> <li>- Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;</li> <li>- <b>Đảm bảo vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;</b></li> <li>- <b>Tôn trọng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;</b></li> <li>- <b>Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty; Bảo đảm Cổ đông được</b></li> </ul>	<p>Cập nhật quy định mới tại Điều 40 Luật Chứng khoán năm 2019</p>

		<i>tiếp cận thông tin công bằng.</i>	
7	6. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại <b><u>khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;</u></b>	6. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại <b><i>Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán;</i></b>	Cập nhật quy định mới tại <b><u>Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán;</u></b>
8	7. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại <b><u>khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</u></b>	7. “Cổ đông lớn” là cổ đông <i>được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</i>	Cập nhật quy định mới tại <b><u>Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</u></b>
9	8. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại <b><u>khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;</u></b>	8. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại <b><i>Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</i></b>	Cập nhật quy định mới tại <b><u>Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;</u></b>
10	11. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại <b><u>khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp;</u></b>	11. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại <b><i>Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, phải</i></b>	Cập nhật quy định mới tại <b><u>Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</u></b>
11	12. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại <b><u>Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP;</u></b>	<b><i>12. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</i></b>	Cập nhật quy định mới tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP;
12	13. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại <b><u>khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.</u></b>	<b><i>13. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</i></b>	Cập nhật quy định mới tại <b><u>Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.</u></b>

13	<b>Chương II: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</b>	<b>Chương II: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ</b>	
14	Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	
15	Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ	Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ	
16	<p>Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất <b>mười lăm (15) ngày</b> trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;</li> <li>2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;</li> <li>3. <b>Phiếu</b> biểu quyết;</li> <li>4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;</li> </ol>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Hai mươi một ( 21 ) ngày</b></li> <li>- <b>Phiếu ( hoặc thẻ ) biểu quyết. Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.</b></li> </ul>	Cập nhật quy định mới tại Điều 143 Luật Doanh nghiệp.
17	Không có	<b>Trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tuyến và/ hoặc bỏ phiếu điện tử, thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp</b>	Cập nhật quy định mới tại Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-

		<i>trực tuyến, cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền ( nếu có ) truy cập vào hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.</i>	CP
18	Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ	
19	Không có	<p><b>1.</b> Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại thư mời họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.</p> <p><b>2.</b> Trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền ( nếu có ) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một ( 01 ) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thư mời họp ĐHĐCĐ.</p> <p><b>3.</b> Trong trường hợp họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ kết hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.</p>	
20	Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ	Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ	
21	<b><u>Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành,</u></b>	<p><b>1.</b> Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 20 Điều lệ Công ty.</p> <p><b>2. Cách thức bỏ phiếu</b></p> <p>Cổ đông có thể lựa chọn biểu quyết, bầu cử bằng cách giơ phiếu ( hoặc thẻ ) biểu quyết, bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại ĐHĐCĐ ; hoặc biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử; hoặc kết</p>	Khoản 9 Điều 20 Điều lệ công ty.



	<b><u>phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.</u></b>	<i>hợp cả hai ( 02 ) hình thức trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến.</i>	
22	Điều 7. Cách thức kiểm phiếu	Điều 7. Cách thức kiểm phiếu	
23	Không có	<i>Người triệu tập cổ đông có thể sử dụng các phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch, mã QR và/ hoặc các công nghệ nhận dạng khác để thực hiện kiểm phiếu và phòng tránh sai sót. Đồng thời, người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng các thiết bị, công cụ, phần mềm này.</i>	
24	Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại <b><u>khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</u></b>	- <b><i>Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp</i></b>	Cập nhật Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
25	Không có	<i>Người triệu tập cổ đông có thể sử dụng các phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch, mã QR, và/hoặc các công nghệ nhận dạng khác để thực hiện kiểm phiếu và phòng tránh sai sót. Đồng thời, người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng các thiết bị, công cụ, phần mềm này.</i>	
26	Điều 9. Cách thức phản đối <b><u>quyết định</u></b> của ĐHĐCĐ	Điều 9. Cách thức phản đối <b><u>Nghị quyết</u></b> của ĐHĐCĐ	
27	<b><u>Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.</u></b>  <b><u>Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường</u></b>	<b><i>Theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.</i></b>	Cập nhật quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

	<b><u>hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.</u></b>		
28	Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ	
29	9. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.	<b><u>9.</u></b> <b><i>Họ, tên, chữ</i></b> ký của chủ tọa và thư ký.	
30	Biên bản được lập bằng tiếng Việt <b><u>và</u></b> tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau.	Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.	Khoản 2 Điều 23 Điều lệ công ty
31	Không có	Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp <b><i>hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải</i></b> liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	Cập nhật quy định tại Khoản 1 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
32	Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <b><u>hoặc</u></b> gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ <b><u>và phải</u></b> gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.	Cập nhật quy định tại Khoản 5 Điều 150 Luật Doanh nghiệp
33	Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	
34	<b><u>1.</u></b> Không có	1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, <b><i>trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</i></b>	Điều 149 Luật Doanh nghiệp và Điều 22 Điều lệ công ty
35	<b><u>7.</u></b> HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất <b><u>mười lăm (15) ngày</u></b> trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	<b><u>7.</u></b> <b><i>Mười ( 10 );</i></b> <b><i>- Khoản 03 Điều 18 Điều lệ công ty;</i></b>	Cập nhật Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 22 và Khoản 3 Điều

	Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại <b><u>khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.</u></b>		18 Điều lệ công ty
36	g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT <b><u>và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</u></b>	g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT	Khoản 03 Điều 18 Điều lệ công ty: Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật
37	<b><u>1.</u></b> <b><u>2.</u></b> <b><u>3.</u></b> Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <b><u>Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của</u></b> cổ đông là cá nhân; <b><u>4.</u></b> <b><u>5.</u></b> <b><u>6.</u></b> <b><u>7.</u></b>	<b><u>a.</u></b> <b><u>b.</u></b> <b><u>c.</u></b> Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số <b><u>giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với</u></b> cổ đông là cá nhân; <b><u>d.</u></b> <b><u>e.</u></b> <b><u>f.</u></b> <b><u>g.</u></b>	
38	<b>Chương III: Thành viên HĐQT</b>	<b>Chương III: Thành viên HĐQT</b>	
39	Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT <b>và số lượng thành viên độc lập HĐQT</b>	
40	1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện <b><u>sau đây:</u></b>	1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện <b><i>được quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp.</i></b>	
41	<b>Không có</b>	<b><i>2. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định tại Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP như sau:</i></b> <b><i>a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</i></b> <b><i>b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;</i></b>	

		<i>c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.</i>	
42	Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	
43	<u>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên HĐQT. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</u>	<i>Quy định tại Khoản 2 Điều 274 Nghị định số 155/2021/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.</i>	Quy định tại Khoản 2 Điều 274 Nghị định số 155/2021/NĐ-CP và Khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty

44	Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	
45	Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu <b><u>sau đây:</u></b>	Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu tại Khoản 1 Điều lệ công ty.	
46	Không có	Điều 19. Chủ tịch HĐQT	Thêm mới áp dụng quy định tại Khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Điều 29 Điều lệ công ty
47	Không có	<p><b><i>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Khoản 1 Điều 3 Điều lệ công ty.</i></b></p> <p><b><i>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty cụ thể như sau:</i></b></p> <p><b><i>a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;</i></b></p> <p><b><i>b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;</i></b></p> <p><b><i>c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;</i></b></p> <p><b><i>d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;</i></b></p> <p><b><i>e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;</i></b></p>	

		<p>f. <b>Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</b></p> <p>g. <b>Kiến nghị số lượng và người quản lý khác mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người quản lý doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;</b></p> <p>h. <b>Tuyển dụng lao động và ký hợp đồng lao động.</b></p> <p>i. <b>Xem xét và quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác trong công ty theo đề xuất của Tổng Giám đốc điều hành, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</b></p> <p>j. <b>Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.</b></p> <p>k. <b>Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở xuống được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định điểm d khoản 2 Điều 138, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.</b></p> <p>l. <b>Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.</b></p> <p>3. <b>Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo</b></p>	
--	--	--	--

		<p><i>cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;</i></p> <p>4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền <b><u>hoặc thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp</u></b> thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số <b><u>thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.</u></b></p> <p>5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.</p> <p>6. Khi xét thấy cần thiết, <b><u>Hội đồng quản trị quyết định bổ</u></b> thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:</p> <p><b>a.</b> Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;</p> <p><b>b.</b> Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p><b>c.</b> Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p><b>d.</b> Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo</p>	
--	--	--	--

		<p><i>vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;</i></p> <p><i>e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;</i></p> <p><i>f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.</i></p>	
48	<b>Điều 19.</b> Thông báo họp HĐQT	<b>Điều 20.</b> Thông báo họp HĐQT	
49	<b>Chương IV: Họp HĐQT</b>	<b>Chương IV: Họp HĐQT</b>	
50	<b>Điều 20.</b> Điều kiện tổ chức họp HĐQT	<b>Điều 21.</b> Điều kiện tổ chức họp HĐQT	
51	<b>Điều 21.</b> Cách thức biểu quyết	<b>Điều 22.</b> Cách thức biểu quyết	
52	<b>Điều 22.</b> Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	<b>Điều 23.</b> Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	
53	<b>Điều 23.</b> Ghi biên bản họp HĐQT	<b>Điều 24.</b> Ghi biên bản họp HĐQT	
54	<b>Điều 24.</b> Thông báo nghị quyết HĐQT	<b>Điều 25.</b> Thông báo nghị quyết HĐQT	
55	<b>Chương V: <u>Kiểm soát viên</u></b>	<b>Chương V: <i>Ban Kiểm soát</i></b>	Quy định tại Chương 9 Ban Kiểm soát
56	<b>Điều 25. <u>Tiêu chuẩn Kiểm soát viên</u></b>	<b>Điều 26. <i>Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát</i></b>	
57	<b><u>Kiểm soát viên</u></b> phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b><u>Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp</u></b> , Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:	<b><i>Thành viên Ban Kiểm soát</i></b> phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại <b><i>Điều 169 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 37</i></b> Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:	Cập nhật Điều 169 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 37



58	<b>Điều 26.</b> Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí <b>Kiểm</b> soát viên	<b>Điều 27.</b> Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí <b>Kiểm</b> soát viên	
59	Việc ứng cử, đề cử <b>Kiểm soát viên</b> được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.	Việc ứng cử, đề cử <b>thành viên Ban</b> Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.	
60	<b>Điều 28.</b> Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	<b>Điều 29.</b> Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	
61	<p><b><u>Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</u></b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b><u>Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;</u></b></li> <li>2. <b><u>Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của BKS;</u></b></li> <li>3. <b><u>Có đơn từ chức và được chấp thuận;</u></b></li> </ol> <p><b><u>Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</u></b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. <b><u>Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;</u></b></li> <li>2. <b><u>Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;</u></b></li> <li>3. <b><u>Theo quyết định của ĐHĐCĐ;</u></b></li> </ol>	<p><i>Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp</i></p>	<p>Cập nhật Điều 174 Luật doanh nghiệp</p>

62	<b>Điều 29.</b> Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	Điều 30. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	
63	<b>Chương VI: Các tiểu ban thuộc HĐQT</b>	<b>Chương VI: Các tiểu ban thuộc HĐQT</b>	
64	<b>Điều 30.</b> Các tiểu ban thuộc HĐQT	Điều 31. Các tiểu ban thuộc HĐQT	
65	HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, <b><u>nhưng nên có ít nhất ba (03) người</u></b> bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.	HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, <b><i>Ban Quan hệ cổ đông</i></b> Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, <b><i>có ít nhất ba (03) người</i></b> bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài.	
66	<b>Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban</b>	<b>Nhập cùng Điều 31 ( Khoản 2 Điều 31 )</b>	

67	<b>Chương VII: Người điều hành doanh nghiệp</b>	<b>Chương VII: Người điều hành doanh nghiệp</b>	
68	<b>Điều 32.</b> Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	<b>Điều 32.</b> Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	
69	<b>Điều 33.</b> Tổng giám đốc	<b>Điều 33.</b> Tổng giám đốc	
70	<b>Điều 34.</b> Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác	<b>Điều 34.</b> Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác	
71	<b>Điều 35.</b> Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	<b>Điều 35.</b> Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	
72	<b>Điều 36.</b> Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	<b>Điều 36.</b> Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	
73	<b>Điều 37.</b> Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	<b>Điều 37.</b> Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	
74	<b>Chương VIII: Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc</b>	<b>Chương VIII: Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc</b>	
75	<b>Điều 38.</b> Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS	<b>Điều 38.</b> Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS	
76	<b>Điều 39.</b> Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc	<b>Điều 39.</b> Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc	

77	<b>Điều 40.</b> Việc tiếp cận thông tin	<b>Điều 40.</b> Việc tiếp cận thông tin	
78	<b>Điều 41.</b> Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc	<b>Điều 41.</b> Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc	
79	<b>Điều 42.</b> Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.	<b>Điều 42.</b> Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.	
80	<b>Chương IX: Người phụ trách quản trị công ty</b>	<b>Chương IX: Người phụ trách quản trị công ty</b>	
81	<b>Điều 43.</b> Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty	<b>Điều 43.</b> Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty	
82	<b>Điều 44.</b> Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty	<b>Điều 44.</b> Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty	
83	Không có	<b>Tại Khoản 3 Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định như sau:</b>	Cập nhật Khoản 3 Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP
84	<b>Điều 45.</b> Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	<b>Điều 45.</b> Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty	
85	Không có	<b>HĐQT của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả theo quy định tại Khoản 01 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</b>	Cập nhật Khoản 3 Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP

86	<b>Điều 46.</b> Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	<b>Điều 46.</b> Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	
87	<b>Điều 47.</b> Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	<b>Điều 47.</b> Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty	
88	<b>Chương X: Ngăn ngừa xung đột lợi ích</b>	<b>Chương X: Ngăn ngừa xung đột lợi ích</b>	
89	<b>Điều 48.</b> Trách nhiệm cẩn trọng	<b>Điều 48.</b> Trách nhiệm cẩn trọng	
90	<b>Điều 49.</b> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	<b>Điều 49.</b> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	
91	<b>Điều 50.</b> Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	<b>Điều 50.</b> Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	
92	<b>Điều 159 Luật doanh nghiệp</b>	<b>Điều 164 Luật doanh nghiệp</b>	Cập nhật Điều 164 Luật Doanh nghiệp
93	<b>Chương XI: Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty</b>	<b>Chương XI: Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty</b>	
94	<b>Điều 51.</b> Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty	<b>Điều 51.</b> Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty	
95	<b>Chương XII: Ngày Hiệu lực</b>	<b>Chương XII: Ngày Hiệu lực</b>	
96	<b>Điều 52.</b> Ngày hiệu lực	<b>Điều 52.</b> Ngày hiệu lực	
97	Quy chế này gồm 12 chương <b>52</b> điều, được ĐHĐCĐ <b>thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2021.</b>	Quy chế này gồm 12 chương <b>52</b> điều, được ĐHĐCĐ <b>thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2021.</b>	Ngày họp ĐHĐCĐ

**Dự thảo**



**TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG KIÊN GIANG**

**QUY CHẾ NỘI BỘ  
VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**KIÊN GIANG – THÁNG 06 - 2021**

Số: /QĐ-HĐQT

Kiên Giang, ngày 19 tháng 06 năm 2021

## QUYẾT ĐỊNH

“V/v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị  
Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang”

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KIÊN GIANG

- Căn cứ Luật chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Luật doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động ngày 05 tháng 06 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang đã được ĐHCĐ thông qua;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ- ĐHCĐ ngày 05 tháng 06 năm 2021 của ĐHCĐ Công ty CP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang” gồm 12 chương 52 điều.

**Điều 2:** Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Các Ông, Bà Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Ban Tổng giám đốc và các bộ phận có liên quan của Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

### Nơi nhân:

- Như điều 3;
- Lưu VP;
- Công bố trên Website Công ty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH HĐQT

Trần Thọ Thắng

## MỤC LỤC

Chương I: Quy định chung .....	4
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	4
Chương II: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ .....	5
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ.....	5
Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ .....	5
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ .....	6
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ .....	6
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu.....	5
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu .....	5
Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ.....	5
Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ.....	5
Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ.....	8
Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.....	8
Chương III: Thành viên HĐQT .....	10
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT .....	10
Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT ..	10
Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT .....	10
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT .....	10
Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	11
Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT .....	11
Điều 19. Chủ tịch HĐQT.....	11
Chương IV: Họp HĐQT .....	12
Điều 20. Thông báo họp HĐQT .....	12
Điều 21. Điều kiện tổ chức họp HĐQT .....	13
Điều 22. Cách thức biểu quyết.....	13
Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT .....	13
Điều 24. Ghi biên bản họp HĐQT .....	13
Điều 25. Thông báo nghị quyết HĐQT .....	13
Chương V: Kiểm soát viên .....	13
Điều 26. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên.....	13
Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên .....	14
Điều 28. Cách thức bầu kiểm soát viên .....	14
Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	14
Điều 30. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên .....	14
Chương VI: Các tiểu ban thuộc HĐQT .....	14
Điều 31. Các tiểu ban thuộc HĐQT.....	14
Chương VII: Người điều hành doanh nghiệp .....	14
Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp.....	14
Điều 33. Tổng giám đốc.....	15
Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác.....	16
Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp.....	16
Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	16
Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp.....	16
Chương VIII: Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc .....	16
Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS.....	16
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc .....	17
Điều 40. Việc tiếp cận thông tin .....	17
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc.....	17
Điều 42. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.....	18



Chương IX: Người phụ trách quản trị công ty.....	188
Điều 43. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty.....	188
Điều 45. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty.....	19
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty .....	19
Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty .....	19
Chương X: Ngăn ngừa xung đột lợi ích.....	19
Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng .....	19
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	20
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	20
Chương XI: Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.....	21
Điều 51. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty.....	21
Chương XII: Ngày Hiệu lực .....	21
Điều 52. Ngày hiệu lực .....	21

**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ  
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG KIÊN GIANG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số...../QĐ-HĐQT*

*của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang)*

**Chương I: Quy định chung**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị ( HĐQT ), Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý của Công ty. Quy chế này được xây dựng theo quy định của:
  - a. Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 06 năm 2020;
  - b. Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
  - c. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - d. Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - e. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.
  - f. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ- HĐQT ngày 05 tháng 06 năm 2021 của Công ty CP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng cho các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, tất cả các cổ đông và/ hoặc các thành viên không phải là cổ đông song có tham gia vào việc điều hành hoạt động của Công ty và những người liên quan.

**Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Chữ viết tắt:

1. “Công ty” là Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang;
2. “ĐHĐCĐ”: Đại hội đồng cổ đông;
3. “HĐQT”: Hội đồng quản trị;
4. “BKS”: Ban kiểm soát.

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

5. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc được quy định tại Điều 40 Luật Chứng khoán, bao gồm:
  - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
  - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS, các cán bộ quản lý của Công ty và nâng cao trách nhiệm của HĐQT, BKS, các cán bộ quản lý của Công ty đối với Cổ đông, Công ty;
  - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
  - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;

- Đảm bảo vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị công ty;
  - Tôn trọng và đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị công ty;
  - Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty; Bảo đảm Cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.
6. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại Khoản 1 Điều 32 Luật Chứng khoán;
  7. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  8. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại Khoản 24 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
  9. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
  10. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;
  11. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại Khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
  12. “Người phụ trách quản trị công ty” là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ hướng dẫn về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  13. “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.

Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về quản trị công ty khác với quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định của pháp luật chuyên ngành.

## **Chương II: Trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại ĐHĐCĐ**

### **Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ**

Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết.

### **Điều 4. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ**

Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát;
3. Phiếu ( hoặc thẻ ) biểu quyết: Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một ( 01 ) phiếu ( hoặc thẻ ) biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu ( hoặc thẻ ) biểu quyết của cổ đông đó.
4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

Trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ theo hình thức hội nghị trực tuyến và/ hoặc bỏ phiếu điện tử, thông báo mời họp phải quy định rõ cách thức đăng ký và tham dự họp trực tuyến, cung cấp tên đăng nhập và mật khẩu truy cập tương ứng để cổ đông và người đại diện theo ủy quyền ( nếu có ) truy cập vào hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến và phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận.

#### **Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
  - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định tại thông báo họp ĐHĐCĐ. Cổ đông có trách nhiệm đăng ký tham dự theo cách thức đã ghi trong thông báo. Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định của Pháp luật và Điều lệ.
  - b. Trường hợp tổ chức họp ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền ( nếu có ) tham dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử truy cập vào hệ thống ĐHĐCĐ trực tuyến để thực hiện đăng ký tham dự họp. Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một ( 01 ) tên đăng nhập kèm mật khẩu tương ứng để truy cập vào hệ thống nêu trên. Hướng dẫn cụ thể sẽ được ghi trong thông báo họp ĐHĐCĐ và Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ.
  - c. Trong trường hợp họp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức Hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ kết hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 5 Quy chế này.
2. Điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ tuân thủ theo quy định tại Điều 145 Luật Doanh nghiệp và Điều 19 Điều lệ công ty.

#### **Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ**

1. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Cách thức bỏ phiếu

Cổ đông có thể lựa chọn biểu quyết, bầu cử bằng cách gior thẻ biểu quyết, bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại ĐHĐCĐ ; hoặc biểu quyết, bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử; hoặc kết hợp cả hai ( 02 ) hình thức trong trường hợp ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến. Cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế tổ chức ĐHĐCĐ của mỗi cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

Hoặc áp dụng các hình thức biểu quyết khác mà pháp luật không cấm.

## **Điều 7. Cách thức kiểm phiếu**

Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số phiếu ( hoặc thẻ ) tán thành nghị quyết được thu trước, số số phiếu ( hoặc thẻ ) phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó.

Người triệu tập cổ đông có thể sử dụng các phần mềm điện tử, tự động có áp dụng mã vạch, mã QR, và/hoặc các công nghệ nhân dạng khác để thực hiện kiểm phiếu và phòng tránh sai sót. Đồng thời, người triệu tập họp ĐHĐCĐ phải chịu trách nhiệm về việc sử dụng các thiết bị, công cụ, phần mềm này.

Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của ĐHĐCĐ về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ:

1. Thông qua báo cáo tài chính năm;
2. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;
3. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, BKS và báo cáo việc HĐQT bỏ nhiệm Tổng giám đốc.
4. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ

Bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

Các quyết định của ĐHĐCĐ liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

Các nghị quyết ĐHĐCĐ được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

## **Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

## **Điều 9. Cách thức phản đối Nghị quyết của ĐHĐCĐ**

Theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

## **Điều 10. Lập biên bản họp ĐHĐCĐ**

Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
2. Thời gian và địa điểm họp ĐHĐCĐ;
3. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
4. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
5. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp ĐHĐCĐ về từng vấn đề trong chương trình họp;
6. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
7. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
8. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
9. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong Biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

Biên bản họp ĐHĐCĐ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và phải gửi cho tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

Biên bản họp ĐHĐCĐ được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp ĐHĐCĐ trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

## **Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật chứng khoán.

## **Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết ĐHĐCĐ và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 03 Điều 18 Điều lệ công ty.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;

- c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
  - c. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Các vấn đề đã được thông qua;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười (10) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

### **Chương III: Thành viên HĐQT**

#### **Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT và số lượng thành viên độc lập HĐQT**

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định tại Điều 155 Luật Doanh.
2. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của công ty niêm yết phải đảm bảo quy định tại Khoản 4 Điều 276 Nghị định 155/2020/NĐ-CP như sau:
  - a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
  - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
  - c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

#### **Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT**

Quy định tại Khoản 2 Điều lệ công ty.

#### **Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

#### **Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:

1. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
2. Có đơn từ chức;
3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
4. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục mà không có sự chấp thuận của HĐQT;
5. Theo quyết định của ĐHĐCĐ;
6. Cố tình cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hình ảnh và lợi ích của Công ty.



## **Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công ty.

## **Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT**

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Thành viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp ĐHĐCĐ và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu tại Khoản 1 Điều lệ công ty.

## **Điều 19 : Chủ tịch HĐQT**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty được quy định tại Khoản 1 Điều 3 Điều lệ công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 29 Điều lệ công ty cụ thể như sau:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - f. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
  - g. Kiến nghị số lương và người quản lý khác mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người quản lý doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
  - h. Tuyển dụng lao động và ký hợp đồng lao động.
  - i. Xem xét và quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác trong công ty theo đề xuất của Tổng Giám đốc điều hành, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - j. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị nhỏ hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.
  - k. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 10% (mười phần trăm) tổng giá trị tài sản trở xuống được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty. Quy định này không áp

dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định điểm d khoản 2 Điều 138, Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.

1. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền **hoặc thuộc các trường hợp khác theo quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp** thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số **thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.**
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.
6. Khi xét thấy cần thiết, **Hội đồng quản trị quyết định** bổ thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
  - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
  - c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
  - d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
  - e. Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
  - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

## **Chương IV: Hợp HĐQT**

### **Điều 20. Thông báo họp HĐQT**

Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

## **Điều 21. Điều kiện tổ chức họp HĐQT**

Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

## **Điều 22. Cách thức biểu quyết**

Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ công ty, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;

Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;

Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;

Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

## **Điều 23. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.

Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

## **Điều 24. Ghi biên bản họp HĐQT**

Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.

## **Điều 25. Thông báo nghị quyết HĐQT**

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

## **Chương V: Ban Kiểm soát**

### **Điều 26. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát**

Thành viên Ban Kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp, Khoản 2 Điều 37 Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

### **Điều 27. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên**

Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ công ty.

Trường hợp số lượng các ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, BKS đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này. Cơ chế BKS đương nhiệm đề cử ứng viên BKS phải được công bố rõ ràng và phải được ĐHĐCĐ thông qua trước khi tiến hành đề cử.

### **Điều 28. Cách thức bầu kiểm soát viên**

Việc biểu quyết bầu BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 29. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Kiểm soát viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Điều 174 Luật Doanh nghiệp

### **Điều 30. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

## **Chương VI: Các tiểu ban thuộc HĐQT**

### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc HĐQT**

1. HĐQT có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, Ban Quan hệ cổ đông Số lượng thành viên của tiểu ban do HĐQT quyết định, có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của HĐQT và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập HĐQT/thành viên HĐQT không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của HĐQT. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của HĐQT. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên HĐQT.
2. Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban trực thuộc HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành, quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế này.

## **Chương VII: Người điều hành doanh nghiệp**

### **Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước HĐQT và chịu sự giám sát, chỉ đạo của HĐQT trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có

Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết HĐQT.

Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

### **Điều 33. Tổng giám đốc**

HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại ĐHĐCĐ thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
2. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
3. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
4. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
5. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
6. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
7. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
8. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
9. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của HĐQT, hợp đồng lao động ký với Công ty.

Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

HĐQT có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

### **Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác**

Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.

### **Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp**

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật lao động.

### **Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty và hợp đồng lao động đã ký kết.

### **Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

## **Chương VIII: Phối hợp hoạt động giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc**

### **Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS**

Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS

1. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
2. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
3. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
4. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.

Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT

1. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ;
2. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
3. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
4. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;

5. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất 15 ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

### **Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc**

Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.

Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

### **Điều 40. Việc tiếp cận thông tin**

Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Các thông tin và tài liệu này bao gồm:

1. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
2. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
3. Báo cáo của Tổng giám đốc;
4. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
5. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
6. Tài liệu khác liên quan.

### **Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc**

BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.

1. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
2. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHCĐ gần nhất;

3. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
4. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
5. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất 48 giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày làm việc.

#### **Điều 42. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.**

Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.

Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu;

Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn 7 ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;

Tổng giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;

Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là 7 ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng 7 ngày.

### **Chương IX: Người phụ trách quản trị công ty**

#### **Điều 43. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty**

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Có hiểu biết về pháp luật;
2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

#### **Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty**

Tại Khoản 3 Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty được quy định như sau:

1. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;



5. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty.
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 46. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty**

HĐQT của công ty đại chúng phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả theo quy định tại Khoản 01 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

#### **Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty**

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

#### **Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty**

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán

### **Chương X: Ngăn ngừa xung đột lợi ích**

#### **Điều 48. Trách nhiệm cẩn trọng**

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của HĐQT, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

Trừ trường hợp ĐHCĐ có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.

Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:

1. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới HĐQT. Đồng thời, HĐQT đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên HĐQT không có lợi ích liên quan;
2. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
3. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được HĐQT hoặc ĐHĐCĐ thông qua. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

#### **Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên HĐQT, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

1. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
2. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi

giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **Chương XI: Sửa đổi Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty**

### **Điều 51. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này sẽ do ĐHĐCĐ xem xét và quyết định.

Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **Chương XII: Ngày Hiệu lực**

### **Điều 52. Ngày hiệu lực**

Quy chế này gồm 12 chương 52 điều, được ĐHĐCĐ thông qua ngày 19 tháng 06 năm 2021.

Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty.

Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một phần hai ( $\frac{1}{2}$ ) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**TRẦN THỌ THẮNG**

## TỜ TRÌNH

### PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2020 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang;
- Căn cứ nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (Công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ĐHĐCĐ) thông qua Phương án phát hành thêm Cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ với nội dung như sau:

#### I. SỰ CẦN THIẾT VÀ MỤC ĐÍCH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ:

Để đảm bảo duy trì tốc độ tăng trưởng, phát triển bền vững và đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, Công ty cần phải tăng Vốn điều lệ nhằm nâng cao năng lực tài chính để nâng quy mô hoạt động của Công ty.

#### II. ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC CHÀO BÁN:

Việc phát hành thêm cổ phiếu tăng Vốn điều lệ sẽ thực hiện theo hình thức phát hành riêng lẻ và chào bán cho Nhà Đầu tư Chứng khoán chuyên nghiệp (NĐTKCN).

#### III. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH RIÊNG LẺ:

1	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang
2	Vốn điều lệ	824.997.810.000 đồng
3	Ký hiệu mã cổ phiếu	CKG
4	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.499.781 Cổ phiếu
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/Cổ phiếu
6	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	13.400.219 cổ phiếu

7	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	134.002.190.000 đồng
8	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông
9	Hình thức phát hành	Phát hành riêng lẻ
10	Đối tượng phát hành	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT lựa chọn đối tượng chào bán trên cơ sở đáp ứng các điều kiện chào bán riêng lẻ theo quy định tại Điều 31 - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14.
11	Tiêu chí lựa chọn NĐTCKCN	Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp là Cá nhân và/hoặc Tổ chức trong nước: (i) Có Tiềm lực về tài chính; (ii) Hỗ trợ Công ty về công nghệ; Đào tạo nguồn nhân lực; Quản trị Doanh nghiệp và (iii) HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT xem xét có thể đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
12	Số lượng NĐTCKCN và số lượng cổ phiếu chào bán cho NĐTCKCN	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT xác định số lượng NĐTCKCN và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng NĐTCKCN.
13	Giá phát hành và nguyên tắc xác định giá phát hành	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT quyết định mức chào bán cho NĐTCKCN nhưng không được thấp hơn giá trị trị sổ sách của cổ phiếu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất tại thời điểm chào bán.
14	Chuyển nhượng quyền mua	NĐTCKCN không được chuyển nhượng quyền mua cho các đối tượng khác.
15	Xử lý cổ phiếu từ chối mua	Số lượng cổ phiếu còn dư chưa phân phối hết cho các ĐTCKCN hoặc ĐTCKCN không tham gia mua với mức giá mà HĐQT chào bán ban đầu thì ĐHĐCĐ sẽ ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện phân phối cho các đối tượng khác với giá không thấp hơn <b>Giá phát hành ban đầu</b> .
16	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu chào bán cho NĐTCKCN bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Trừ trường hợp chuyển nhượng giữa nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp với nhau hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của tòa án có hiệu lực hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật.
17	Thời gian phát hành dự kiến	Trong năm 2021 và/hoặc Quý I/2022 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, thời điểm thực hiện việc phát hành cổ phiếu được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.

#### **IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH:**

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành 134.002.190.000 đồng (tính theo mệnh giá), dự kiến được bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong Quý I và Quý II năm 2022:

1. Thanh toán khoản nợ vay đến hạn: **64.738.000.000 đồng**.
2. Thanh toán các khoản nợ phải trả cho các đơn vị thi công: **65.184.000.000 đồng**.
3. Thanh toán tiền mua vật liệu, tiền lương, tiền công cán bộ công nhân viên: **4.078.000.000 đồng**.
4. ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT cân đối và quyết định phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành đạt hiệu quả cao nhất.
5. Trong trường hợp phương án sử dụng vốn nêu trên không còn phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT thay đổi phương án sử dụng vốn cho hiệu quả hơn, đồng thời: (i) Báo cáo cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước; (ii) Công bố công khai nội dung thay đổi trên Website Công ty; (iii) Thực hiện công bố thông tin theo quy định và báo cáo cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp gần nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **V. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT thực hiện và hoàn tất các thủ tục liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ trong năm 2021 nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

1. Lựa chọn và quyết định thời điểm phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2021, thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai phương án phát hành, bao gồm cả việc hoàn thiện và chỉnh sửa bổ sung hồ sơ để trình UBCKNN và Cơ quan quản lý Nhà nước chấp thuận.
2. Quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.
3. Thực hiện hồ sơ đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX).
4. Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban chứng khoán nhà nước.
5. Các vấn đề khác có liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**TRẦN THỌ THẮNG**

Số: 04b/TTr-HĐQT-2021

## **TỜ TRÌNH**

### **PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH THÊM CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ (Theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty – Esop 2021)**

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2020 đã được Quốc hội Nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 31/12/2020 về việc hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang;
- Căn cứ nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

Hội đồng quản trị (HĐQT) Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (Công ty) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 (ĐHĐCĐ) thông qua Phương án phát hành thêm Cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty, với nội dung như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ**

Việc phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động nhằm gắn kết lợi ích của người lao động với thành quả của Công ty, từ đó thúc đẩy động lực sáng tạo, chủ động trong công việc.

#### **II. ĐỐI TƯỢNG VÀ HÌNH THỨC CHÀO BÁN:**

Việc phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ sẽ thực hiện theo hình thức: Phát hành cổ phiếu theo theo chương trình lựa chọn người lao động trong Công ty - ESOP 2021 (NLĐ)

#### **III. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH ESOP 2021:**

1	Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang
2	Vốn điều lệ	824.997.810.000 đồng
3	Ký hiệu mã cổ phiếu	CKG
4	Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	82.499.781 cổ phiếu
5	Mệnh giá cổ phiếu	10.000 đồng/Cổ phiếu
6	Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành	4.100.000 cổ phiếu
7	Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá	41.000.000.000 đồng

8	Tỷ lệ số cổ phiếu phát hành cho NLD trên tổng số cổ phiếu đang lưu hành	4,97%
9	Loại cổ phiếu phát hành	Cổ phiếu phổ thông
10	Hình thức phát hành	Theo chương trình lựa chọn Người lao động
11	Đối tượng phát hành	Người lao động trong Công ty và/hoặc Nhân sự chủ chốt tại Công ty.
12	Tiêu chí lựa chọn Người Lao động	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT phê duyệt các tiêu chí và danh sách người lao động được quyền mua cổ phiếu theo chương trình ESOP
13	Số lượng NLD và số lượng cổ phiếu chào bán cho NLD	ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT xác định số lượng NLD và số lượng cổ phiếu chào bán cho từng NLD.
14	Giá phát hành ưu đãi cho NLD	10.000 đồng/cổ phiếu
15	Chuyển nhượng quyền mua	NLD không được chuyển nhượng quyền mua cho các đối tượng khác.
16	Xử lý cổ phiếu từ chối mua	Số lượng cổ phiếu còn dư chưa phân phối hết cho các NLD hoặc NLD không tham gia mua với mức giá mà HĐQT chào bán ban đầu thì ĐHĐCĐ sẽ ủy quyền cho HĐQT Công ty thực hiện phân phối cho NLD khác với giá không thấp hơn <b>10.000 đồng/cổ phiếu và tuân thủ theo đúng tiêu chí của chương trình ESOP.</b>
17	Hạn chế chuyển nhượng	Cổ phiếu chào bán cho NLD bị hạn chế chuyển nhượng trong thời gian 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
18	Nguyên tắc thu hồi cổ phiếu ESOP và xử lý cổ phiếu thu hồi	Các trường hợp bị thu hồi cổ phiếu: (i) NLD chấm dứt Hợp đồng lao động trong thời gian hạn chế chuyển nhượng cổ phiếu với bất kỳ lý do nào; (ii) NLD vi phạm quy định về hạn chế chuyển nhượng; (iii) ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT thực hiện mua lại toàn bộ số cổ phiếu ESOP bị vi phạm quy định về hạn chế chuyển nhượng với mức giá 10.000 đồng/Cổ phiếu để phân phối cho NLD khác phù hợp với tiêu chí của Quy chế chào bán ESOP với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu.
19	Thời gian phát hành dự kiến	Trong năm 2021 và/hoặc Quý I/2022 sau khi được ĐHĐCĐ thông qua và được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, thời điểm thực hiện việc phát hành cổ phiếu được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định.



#### **IV. PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT PHÁT HÀNH:**

Toàn bộ số tiền dự kiến thu được từ đợt phát hành 41.000.000.000 đồng (tính theo mệnh giá), dự kiến được bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong Quý I và Quý II năm 2022, cụ thể:

1. Thanh toán khoản nợ vay đến hạn: **16.847.000.000 đồng.**
2. Thanh toán các khoản nợ phải trả cho các đơn vị thi công: **18.618.000.000 đồng.**
3. Thanh toán tiền mua vật liệu, tiền lương, tiền công cán bộ công nhân viên: **5.535.000.000 đồng.**
4. ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT cân đối và quyết định phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành đạt hiệu quả cao nhất.
5. Trong trường hợp phương án sử dụng vốn nêu trên không còn phù hợp với tình hình thực tế hoạt động của Công ty, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT thay đổi phương án sử dụng vốn cho hiệu quả hơn, đồng thời: (i) Báo cáo cho Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước; (ii) Công bố công khai nội dung thay đổi trên Website Công ty; (iii) Thực hiện công bố thông tin theo quy định và báo cáo cho ĐHCĐ tại cuộc họp gần nhất theo quy định của pháp luật hiện hành.

#### **V. ỦY QUYỀN CHO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:**

ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT và/hoặc Chủ tịch HĐQT thực hiện và hoàn tất các thủ tục liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ theo chương trình lựa chọn Người lao động trong năm 2021 nêu trên, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các công việc sau:

1. Lựa chọn và quyết định thời điểm phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ trong năm 2021, thực hiện các thủ tục cần thiết để triển khai phương án phát hành, bao gồm cả việc hoàn thiện và chỉnh sửa bổ sung hồ sơ để trình UBCKNN và Cơ quan quản lý Nhà nước chấp thuận.
2. Quyết định phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo Phương án phát hành theo đúng quy định của Pháp luật.
3. Thực hiện hồ sơ đăng ký bổ sung chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và niêm yết bổ sung chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX).
4. Thực hiện thủ tục đăng ký thay đổi vốn điều lệ và điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tại Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Kiên Giang sau khi có Báo cáo kết quả phát hành lên Ủy ban chứng khoán nhà nước.
5. Các vấn đề khác có liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**TRẦN THỌ THẮNG**

Kiên Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2021

DỰ THẢO

Số: 05/TTr-HĐQT-2021

## TỜ TRÌNH

**V/v Bầu cử thành viên Hội đồng quản trị,  
thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021–2026**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn  
Đầu tư Xây dựng Kiên Giang

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua,

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát đương nhiệm sẽ kết thúc nhiệm kỳ tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021–2026 như sau:

### I. BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị:

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 09 thành viên. Trong đó, tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị là 03 thành viên.

#### 2. Danh sách ứng cử viên tham gia HĐQT

Căn cứ vào quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và tổng hợp kết quả tiếp nhận hồ sơ ứng viên tham gia ứng cử Hội đồng quản trị trình Đại hội danh sách các ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2026, gồm:

STT	Họ và tên ứng cử viên	Vị trí ứng cử
1	Ông Trần Thọ Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị
2	Ông Lê Trọng Ngọc	Thành viên Hội đồng quản trị
3	Bà Nguyễn Thị Hoa Lê	Thành viên Hội đồng quản trị
4	Bà Nguyễn Thị Diệu Trâm	Thành viên Hội đồng quản trị

5	Ông Lê Trọng Tú	Thành viên Hội đồng quản trị
6	Bà Phạm Thị Như Phượng	Thành viên Hội đồng quản trị
7	Ông Hà Duy Nghiêm	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
8	Ông Quảng Trọng Sang	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị
9	Ông Nguyễn Thanh Lâm	Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

## **II. BẦU THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

**1. Số lượng thành viên Ban Kiểm soát:** 03 thành viên.

**2. Danh sách ứng viên thành viên Ban Kiểm soát:**

Căn cứ vào quy chế bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và tổng hợp kết quả tiếp nhận hồ sơ ứng viên tham gia ứng cử BKS trình Đại hội danh sách các ứng cử viên thành viên BKS nhiệm kỳ 2021 – 2026, gồm:

<b>STT</b>	<b>Họ và tên ứng cử viên</b>	<b>Vị trí ứng cử</b>
1	Ông Hà Minh Tuân	Thành viên Ban Kiểm soát
2	Ông Nguyễn Văn Út	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Bà Nguyễn Bích Nghĩa	Thành viên Ban Kiểm soát

Kèm theo Tờ trình này là thông tin cá nhân của các ứng cử viên nói trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

**TM HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**TRẦN THỌ THẮNG**

Kiên Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2021

**DANH SÁCH TÓM TẮT LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CỦA ỨNG VIÊN HĐQT  
NHIỆM KỲ 2021 – 2026**

STT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ		Quá trình công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			Học vấn	Chuyên môn nghiệp vụ		
<b>I. CÁC ỨNG VIÊN TÁI CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>									
1	Trần Thọ Thắng	1965		Kiên Giang	Cán A11C -12, Khu biệt thự cao cấp Seaview, đường 3 tháng 2, Phường Vĩnh Bảo, Tp. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang	12/12	Kiến trúc sư	- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (2006 đến nay).	
2	Lê Trọng Ngọc	1962		Đà Nẵng	104/20 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP.HCM	12/12	Kỹ sư xây dựng	Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang. (2006 đến nay).	
3	Nguyễn Thị Hoa Lệ		1957	Bình Định	28A Mai Thị Lựu, Phường ĐaKao, Quận 1, TP.HCM	12/12	Cử nhân Sử, Cử nhân Ngoại ngữ, Quản Lý Kinh Tế	- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (2010 đến nay).	

STT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ		Quá trình công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			Học vấn	Chuyên môn nghiệp vụ		
4	Nguyễn Thị Diệu Trâm		1965	Thừa Thiên Huế	40 Đường số 6, Phường Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh	12/12	Trung cấp	- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (2006 đến nay).	
5	Lê Trọng Tú	1971		Tiền Giang	P1-16 Đường 3/2, Phường An Hòa, Tp. Rạch Giá, Kiên Giang	12/12	Thạc sĩ Quản trị kinh doanh	- Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (2020 đến nay).	

## II. CÁC ỨNG VIÊN ỨNG CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

6	Phạm Thị Như Phượng		1981	Kiên Giang	L19-15 Nguyễn Hùng Sơn, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	12/12	Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh	- 31/07/2020 Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	Đại diện vốn cho Cty CP Phát triển đô thị Kiên Giang
7	Hà Duy Nghiêm	1979		Thái Bình	Căn hộ 19.5 Topaz 1 Khu chung cư cao tầng Saigon Pearl - 92 Nguyễn Hữu Cảnh, khu phố 5, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh	12/12	Cử nhân công nghệ thông tin	- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH AIDI pharma (2020 đến nay).	Ứng cử thành viên độc lập

STT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ		Quá trình công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			Học vấn	Chuyên môn nghiệp vụ		
8	Quảng Trọng Sang	1981		Kiên Giang	82 Trần Phú, phường Vĩnh Thanh, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang	12/12	KTS. Kiến trúc Công trình	- Chủ tịch HĐQT Công ty Tư vấn Quy hoạch Kiến trúc Nam Đảo (2010 đến nay)	Ứng cử thành viên độc lập
9	Nguyễn Thanh Lâm	1971		Hà Nội	77 Yên Thái, phường Bưởi, quận Tây Hồ, thành Phố Hà Nội	12/12	Kinh tế - Tài chính	Giám đốc kinh doanh - Công ty Cổ phần chứng khoán Tân Việt	Ứng cử thành viên độc lập

Kiên Giang, ngày 19 tháng 6 năm 2021

**DANH SÁCH TÓM TẮT LÝ LỊCH TRÍCH NGANG CỦA ỨNG VIÊN BAN KIỂM SOÁT  
NHIỆM KỲ 2021 – 2026**

STT	Họ và tên	Năm sinh		Quê quán	Địa chỉ thường trú	Trình độ		Quá trình công tác	Ghi chú
		Nam	Nữ			Học vấn	Chuyên môn nghiệp vụ		
1	Hà Minh Tuấn	1972		Kiên Giang	Số 29 Tạ Quang Bửu – P. An Hòa, Tp. Rạch Giá - Kiên Giang	12/12	Cử nhân kế toán	- Trưởng ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (2019 đến nay).	
2	Nguyễn Bích Nghĩa		1976	Đà Nẵng	2/10 Đường số 15, Phường Hiệp Bình Phước, Quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh	12/12	Cử nhân kế toán	- Thành viên ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (2016 đến nay).	
3	Nguyễn Văn Út	1968		Hậu Giang	70 – F9 Đường 3/2, Vĩnh Lạc, Rạch Giá, Kiên Giang	12/12	Cử nhân kinh tế	- Thành viên ban Kiểm soát Công ty cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang (2016 đến nay)	

*Kiên Giang, ngày 19 tháng 5 năm 2021*

**QUY CHẾ  
BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN  
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN TƯ VẤN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG KIÊN GIANG NHIỆM KỲ 2021 – 2026**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua,

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị số 02/BB-HĐQT-2021 ngày 15/5/2021,

Quy chế bầu Thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang được thực hiện như sau:

**I. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN HĐQT NHIỆM KỲ 2021-2026:**

**1. Số lượng Thành viên HĐQT và nhiệm kỳ của HĐQT:**

- Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021-2026 gồm 09 thành viên trong đó có 03 thành viên độc lập.

- Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang là 05 (năm) năm.

- Nhiệm kỳ của Thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị và có thể được bầu lại với số lần không hạn chế.

**2. Tiêu chuẩn và điều kiện của Thành viên HĐQT:**

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.



### **3. Đề cử Thành viên HĐQT:**

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị và có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Hội đồng quản trị.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

Trường hợp số lượng các ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ của công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

### **4. Hồ sơ đề cử, ứng cử Thành viên HĐQT:**

- Đơn đề cử (ứng cử) Thành viên Hội đồng quản trị (theo mẫu);

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu);

- Bản sao các giấy tờ sau: CMND hoặc hộ chiếu, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp, chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn;

- Thông tin về quá trình công tác, các chức danh quản lý khác;

- Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có);

Người ứng cử, cổ đông, nhóm cổ đông đề cử chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và gửi đến Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để Ban Tổ chức Đại hội có đủ thời gian kiểm tra, đưa vào danh sách bầu cử cũng như chuẩn bị trước công tác kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.

## **5. Danh sách ứng cử viên thông qua đại hội để bầu Thành viên Hội đồng quản trị:**

Căn cứ hồ sơ ứng cử đề cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban Tổ chức đại hội đồng cổ đông Công ty tổng hợp lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đầy đủ các quy định trên để đại hội thông qua và tiến hành bầu cử Thành viên Hội đồng quản trị. Trong thời hạn mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty công bố Danh sách ứng cử viên thành viên Hội đồng quản trị trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

## **II. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2021-2026:**

### **1. Số lượng Thành viên BKS và nhiệm kỳ BKS:**

- Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026 gồm có 03 thành viên. Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam.

- Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang là 05 (năm) năm.

### **2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát:**

Thành viên Ban Kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

- Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

- Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

- Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

- Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

- Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty;

- Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

- Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định trên, thành viên Ban kiểm soát Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

### **3. Đề cử Thành viên Ban Kiểm soát:**

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử, ứng cử vào Ban Kiểm soát và có quyền góp ý quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Ban Kiểm

soát.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên;

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban Kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật.

#### **4. Hồ sơ đề cử, ứng cử Thành viên Ban Kiểm soát:**

- Đơn đề cử (ứng cử) Thành viên Ban Kiểm soát (theo mẫu).

- Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự khai (theo mẫu).

- Bản sao các giấy tờ sau: CMND hoặc hộ chiếu, hộ khẩu thường trú, các bằng cấp, chứng chỉ chứng nhận trình độ chuyên môn;

- Thông tin về quá trình công tác, các chức danh quản lý khác;

- Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty (nếu có).

Người ứng cử, cổ đông, nhóm cổ đông đề cử chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và gửi đến Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông tối thiểu ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông để Ban Tổ chức Đại hội có đủ thời gian kiểm tra, đưa vào danh sách bầu cử cũng như chuẩn bị trước công tác kiểm phiếu biểu quyết, bầu cử tại Đại hội.

#### **5. Danh sách ứng cử viên thông qua đại hội để bầu Thành viên Ban Kiểm soát:**

Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử của cổ đông hoặc nhóm cổ đông, Ban Tổ chức đại hội đồng cổ đông Công ty tổng hợp lập danh sách các ứng cử viên đáp ứng đầy đủ các quy định trên để đại hội thông qua và tiến hành bầu cử Thành viên Ban Kiểm soát. Trong thời hạn mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Công ty công bố Danh sách ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát trên trang

thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.

### **III. BẦU THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BKS NHIỆM KỲ 2021-2026:**

#### **1. Đối tượng thực hiện bầu cử:**

Cổ đông sở hữu cổ phần hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty có quyền biểu quyết tham gia đại hội thực hiện bầu cử Thành viên HĐQT và BKS.

#### **2. Phiếu bầu:**

##### **2.1. Phiếu bầu:**

- Phiếu bầu ghi sẵn các thông tin của cổ đông: Họ tên cổ đông hoặc đại diện cổ đông, mã số cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu và đại diện, tổng số phiếu bầu.

- Phiếu bầu ghi sẵn danh sách họ và tên các ứng cử viên đề cử, ứng cử đã thông qua Đại hội đồng cổ đông, được sắp xếp theo tên theo thứ tự A, B, C và cột số phiếu bầu.

##### **2.2. Phiếu bầu hợp lệ và phiếu bầu không hợp lệ:**

###### **a. Phiếu bầu hợp lệ:**

- Là các phiếu bầu theo mẫu in sẵn do Ban Tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu.

- Phiếu bầu cho ứng cử viên có tên trong danh sách và trong phạm vi số lượng thành viên được bầu (đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua).

- Tổng số lượng phiếu bầu nhỏ hơn hoặc bằng ( $\leq$ ) tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông/đại diện cổ đông đó (bằng số cổ phần nhân với số thành viên được bầu).

- Không thuộc trường hợp quy định tại khoản b mục này.

###### **b. Phiếu không hợp lệ:**

Phiếu không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau:

- Không do Ban tổ chức phát hành, không đóng dấu treo của Công ty Cổ phần Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang, hoặc

- Phiếu gạch xoá, sửa chữa, ghi tên ứng cử viên không có trong danh sách đề cử, ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bỏ phiếu, hoặc

- Bầu vượt quá số phiếu bầu được phép của mình hoặc bầu quá số lượng thành viên được bầu.

#### **3. Nguyên tắc bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát:**

3.1 Thực hiện theo nguyên tắc bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện nhân với số lượng thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

Cổ đông hoặc đại diện cổ đông có thể dồn hết tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên hoặc phân chia phiếu bầu cho một số ứng cử viên:

a. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị được bầu tại Đại hội đồng cổ đông Nhiệm kỳ 2021-2026 là 09 thành viên, theo đó tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông/đại

diện cổ đông bằng tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân (x) với 9 (chín).

b. Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát được bầu tại Đại hội đồng cổ đông Nhiệm kỳ 2021-2026 là 03 thành viên, theo đó tổng số phiếu bầu của mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông bằng tổng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân (x) với 3 (ba).

3.2 Tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của một cổ đông hoặc đại diện cổ đông không vượt quá tổng số phiếu bầu được phép của cổ đông hoặc đại diện cổ đông đó (bằng số cổ phần sở hữu hoặc đại diện sở hữu nhân với số lượng thành viên được bầu).

**Ví dụ:**

Cổ đông A sở hữu 1000 cổ phần có quyền biểu quyết sẽ có  $1000 \times 9 = 9000$  phiếu để bầu các thành viên Hội đồng quản trị và  $1000 \times 3 = 3000$  phiếu để bầu các thành viên Ban Kiểm soát.

- Theo phương thức bầu dồn phiếu, cổ đông A có thể bầu theo một trong các trường hợp như sau với điều kiện bầu không vượt quá 9000 phiếu bầu thành viên Hội đồng quản trị và 3000 phiếu bầu thành viên Ban Kiểm soát:

+ Bầu dồn đều số phiếu bầu cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát (mỗi ứng cử viên 1000 phiếu); hoặc

+ Bầu dồn số phiếu khác nhau cho mỗi ứng cử viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát (Ví dụ: Ứng cử viên X: 2000 phiếu bầu, ứng cử viên Y: 500 phiếu bầu, ứng cử viên Z: 0 phiếu bầu ....)

3.3 Người trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên.

a. Trong trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau đó.

b. Nếu bầu cử không đủ số lượng Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành bầu tiếp lần hai trong số ứng cử viên còn lại. Nếu sau khi bầu lần hai vẫn chưa đủ thì Đại hội đồng cổ đông sẽ biểu quyết bầu lại lần ba hoặc đề khuyết Thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và bầu bổ sung trong kỳ họp Đại hội đồng cổ đông tiếp theo theo quy định của Chủ toạ Đại hội.

**4. Tổ chức bỏ phiếu và kiểm phiếu:**

- Việc bỏ phiếu được bắt đầu sau khi việc phát phiếu được hoàn tất và cổ đông cuối cùng gửi lại phiếu bầu cho Ban tổ chức đại hội.

- Việc kiểm phiếu được tiến hành ngay sau khi kết thúc bỏ phiếu.

- Kết quả kiểm phiếu được lập thành biên bản kiểm phiếu và có chữ ký của các thành viên Ban Kiểm phiếu.

- Các phiếu bầu sau khi kiểm được lưu trữ tại trụ sở Công ty.

**IV. CÔNG BỐ KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU VÀ TRÚNG CỬ:**

- Trưởng ban Kiểm phiếu công bố công khai trước đại hội kết quả kiểm phiếu và kết quả trúng cử Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát công ty nhiệm kỳ

2021-2026.

- Những khiếu nại về việc bầu và kiểm phiếu được Chủ tọa cuộc họp giải quyết và được ghi trong Biên bản đại hội.

- Kết quả kiểm phiếu được ghi nhận tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

**V. HIỆU LỰC:**

Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và áp dụng cho việc bầu Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2021-2026.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**

**TRẦN THỌ THẮNG**